

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ NHƯ THÀNH

**TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG: TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN
VÀ PHÒNG NGỪA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ NHƯ THÀNH

**TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG: TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN
VÀ PHÒNG NGỪA**

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 8.38.01.05

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA
HỌC TS. NGUYỄN TRUNG
THÀNH**

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện độc lập và dưới sự hướng dẫn của **TS Nguyễn Trung Thành**.

Các kết quả trong luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, bảng biểu và trích dẫn trong luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Vậy tôi viết lời cam đoan này kính đề nghị Học viện cho tôi được bảo vệ luận văn trước Hội đồng.

Đà Nẵng,

Tác giả luận văn

Lê Như Thành

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	8
1.1. Khái quát lý luận về tình hình tội cướp giật tài sản	8
1.2. Tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	14
Chương 2. NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	33
2.1. Nhận thức chung về nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản	33
2.2. Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	37
Chương 3. PHÒNG NGỪA TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	51
3.1. Khái quát lý luận về phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	51
3.2. Dự báo và các giải pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	54
KẾT LUẬN	74

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CGTS	Cướp giạt tài sản
TP	Thành phố
TAND	Tòa án nhân dân
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018	15
Bảng 1.2. Tỷ lệ các tội CGTS trong tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến tháng 6/2018	15
Bảng 1.3. Tỷ lệ các tội CGTS trong tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến tháng 6/2018	16
Bảng 1.4. Cơ cấu về hình phạt được áp dụng đối với những người phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018	19
Bảng 1.5. Cơ cấu vụ án theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018	20
Bảng 1.6. Độ tuổi của các bị cáo phạm tội CGTS đã được TAND thành phố Đà Nẵng xét xử từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018	21
Bảng 1.7. Giới tính của bị cáo phạm tội CGTS đã được TAND thành phố Đà Nẵng xét xử từ năm 2013 đến tháng 6/2018	22
Bảng 1.8. Trình độ học vấn của các bị cáo phạm tội CGTS đã được TAND thành phố Đà Nẵng xét xử từ năm 2013 đến tháng 6/2018	23
Bảng 1.9. Bảng thống kê số vụ CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 theo tài sản bị chiếm đoạt	24
Bảng 1.10. Bảng thống kê số vụ CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 theo thủ đoạn phạm tội	25
Bảng 1.11. Bảng thống kê số vụ CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 theo phương tiện phạm tội	26
Bảng 1.12. Tỷ lệ so sánh với số vụ án phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018	27
Bảng 1.13. Kết quả quản lý và xử lý tin báo, tố giác tội phạm về tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018	29
Biểu đồ 1.1. Diễn biến tình hình tội CGTS theo số lượng vụ án và bị cáo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018	18

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

TP Đà Nẵng là một trong những TP lớn của cả nước và là trung tâm kinh tế - văn hóa, giáo dục của khu vực miền Trung, Tây Nguyên, có đường hàng không, đường biển, đường sắt và là nơi giao cắt nhiều tuyến giao thông đường bộ huyết mạch; tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; có nhiều trường đại học, bệnh viện, bến xe, bến tàu lớn của khu vực và cả nước. Số lượng dân ngoại tỉnh di cư tập trung về TP.Đà Nẵng ngày càng đông đúc cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội. Chính vì thế các dịch vụ lưu trú (nhà trọ, nhà nghỉ, tiệm cầm đồ...) phát triển kéo theo nên dẫn đến sự quản lý khó khăn. Trong thời gian qua, thực tế cho thấy các loại tội phạm như cướp, cướp giật tài sản, cưỡng đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, giết người, đòi nợ thuê... có sự gia tăng theo chiều hướng phức tạp. Theo thống kê các vụ án CGTS đã xét xử của TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 có 98 vụ (chiếm tỷ lệ 14,07%), với 272 bị cáo (chiếm tỷ lệ 12,15%). Như vậy, tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất của nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt thì trong đó tội CGTS đứng kế sau với tỷ lệ 23,14%. Thống kê các vụ án CGTS thực hiện theo tính chất băng ổ nhóm có hướng tăng dần (chiếm 56,4% của các vụ án này). Trong đó vai trò thực hiện có sự phân công từng nhiệm vụ rõ ràng: người điều khiển xe chở, người ngồi sau trực tiếp thực hiện và những người khác trong nhóm đi theo cản đường hoặc dùng thủ đoạn khác. làm cản trở cho việc truy bắt của lực lượng thực thi nhiệm vụ, cũng như quần chúng nhân dân.

Trong thời gian qua trên địa bàn TP Đà Nẵng tình hình tội CGTS không những ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương mà còn nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng và quyền sở hữu của mỗi công dân. Trước tình hình đó,

việc thực hiện triển khai các chủ trương, chính sách mà các cấp ủy Đảng và các ban ngành, chính quyền TP Đà Nẵng đối với công tác phòng, chống tội phạm của Đảng và Nhà nước là sự cấp bách, cần thiết, đơn cử như: Nghị quyết số 49/NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 2/6/2015 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới của Ban chấp hành trung ương Đảng;và đạt được những kết quả nhất định.

Nhưng qua thời gian, việc thực hiện vẫn còn chưa đồng thuận từ các địa phương với nhau tại TP Đà Nẵng, chưa có sự thống nhất đồng bộ trong việc triển khai, thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp. Vì vậy, kết quả đạt được không cao, tính chất và mức độ nguy hiểm đối với tội này đang tăng dần nhưng vẫn còn hạn chế trong công tác phòng ngừa, việc đánh giá, phân tích nguyên nhân, điều kiện và chủ thể tội CGTS chưa chính xác. Cho nên, đánh giá, phân tích làm rõ nguyên nhân và điều kiện, để có cơ sở dự báo và đưa ra các kiến nghị, giải pháp phòng ngừa tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng hiện nay là một vấn đề cấp thiết.

Từ những luận giải trên, tác giả chọn đề tài: ***“Tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa”*** làm luận văn tốt nghiệp cao học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu gần đây đối với ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực tội CGTS:

Trước hết, phải kể đến tác phẩm *“Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1994 do các tác giả

tên tuổi như Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng, Phạm Hồng Hải, Phạm Văn Tĩnh biên soạn. Tác phẩm trên đã định hướng, tạo tiền đề để đưa ra các vấn đề cơ bản của tội phạm học, công tác phòng ngừa tình hình tội phạm...để dự báo và xây dựng các kế hoạch hóa trong hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội CGTS nói riêng.

Một số Giáo trình tham khảo như: Giáo trình “*Tội phạm học*”, của Phạm Tấn Bình, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội (2002)[2]; Tội phạm học Việt Nam “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của Phạm Hồng Hà và cộng sự, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội (2000)[16]; Giáo trình “*Tội phạm học*” của Học viện Cảnh sát nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2002, tái bản năm 2013 [17]; Giáo trình “*Tội phạm học*” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tái bản năm 2011, 2013 [41]; ...đã thể hiện tương đối hoàn chỉnh, có sự thống nhất, liên quan đến tội phạm học như: khái niệm, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu; sự hình thành và phát triển của tội phạm học; nhân thân người phạm tội, nạn nhân của tội phạm; tình hình tội phạm; phòng ngừa tội phạm và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa tội phạm.

Trong đó đơn cử đến, Giáo trình “*Tội phạm học*” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tái bản năm 2011, 2013 [41]; Giáo trình “*Tội phạm học*” của Học viện Cảnh sát nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2002, tái bản năm 2013 [17]...

Bên cạnh đó, nhiều nhà tội phạm học khác nhau đã công bố các công trình, bài viết có giá trị trong việc tạo dựng hệ thống lý thuyết về phòng ngừa tội phạm, có thể kể đến một số tác phẩm tiêu biểu sau đây:

“*Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của các tác giả Phạm Hồng Hải, Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng, Nguyễn Văn Tĩnh, Viện Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản Công an nhân

dân năm 2000 - trình bày quá trình hình thành và phát triển của tội phạm học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của tội phạm học và vấn đề phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học [16].

Một số Luận văn thạc sĩ luật học kể đến: Luận văn thạc sĩ luật học: *“Tội CGTS trên địa bàn tỉnh An Giang: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”* của Lê Ngọc Hớn – Học viện Khoa học xã hội – TP Hồ Chí Minh, năm 2012; Luận văn thạc sĩ luật học: *“Tội CGTS trên địa bàn quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”* của Đào Quốc Thịnh – Học viện Khoa học xã hội – TP Hồ Chí Minh, năm 2012; Luận văn thạc sĩ luật học: *“Tội CGTS trên địa bàn quận 7, TP Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”* của Lê Thuần Phong – Học viện Khoa học xã hội -TP Hồ Chí Minh năm 2013; Luận văn thạc sĩ luật học: *Phòng ngừa tội CGTS trên địa bàn TP Hà Nội giai đoạn 2008 – 2012* của Nguyễn Hải Yến, bảo vệ năm 2013 tại Trường Đại học Luật Hà Nội;

Tuy vậy, trong tất cả các công trình nghiên cứu thì chưa có công trình nào nghiên cứu hoàn chỉnh, thống nhất về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa của tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng, nhưng đối với tình hình loại tội phạm này trên địa bàn TP Đà Nẵng khi thực hiện luôn có hành vi nguy hiểm, rất nguy hiểm, manh động, sự liều lĩnh, tinh vi, táo tợn...đã gây ra hệ lụy, hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân thời gian qua, đồng thời tìm ẩn nhiều xu hướng gia tăng của tội phạm này. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài này là không trùng lặp với các công trình nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn đã được công bố về chủ đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là trên cơ sở nghiên cứu tình hình, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội CGTS trên địa bàn TP

Đà Nẵng, luận văn hướng tới mục đích đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, đề tài tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

Phân tích, đánh giá tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

Phân tích các nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội CGTS và nhân thân người phạm tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

Dự báo tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng và đề xuất các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về tình hình tội CGTS, nguyên nhân, điều kiện và phòng ngừa tình hình tội phạm này trên địa bàn TP Đà Nẵng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

Về địa bàn nghiên cứu: TP Đà Nẵng

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu về tội CGTS bao gồm: các đường lối chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh; phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin. Ngoài ra, còn phải dựa trên các lý thuyết về tội phạm học để phân tích.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận được trình bày ở trên, đề tài luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học pháp luật hình sự về ngành tội phạm học như phân tích các dữ liệu và tài liệu thu thập, hệ thống hóa tài liệu, mô tả dữ liệu, thống kê dữ liệu, phân tích các dữ liệu và tài liệu thu thập, tổng hợp kết quả nghiên cứu, so sánh, tổng kết kinh nghiệm, nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghiên cứu điển hình... Tác giả dựa vào đối tượng nghiên cứu trong từng phần của đề tài, để đưa ra phương pháp nghiên cứu thích hợp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Về mặt lý luận

Đề tài góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về tình hình nguyên nhân, điều kiện và phòng ngừa tội CGTS. Đề tài luận văn có thể dùng vào việc nghiên cứu khoa học luật hình sự hoặc sử dụng tài liệu giảng dạy, học tập và tuyên truyền trong công tác phòng chống tội phạm đối với tội CGTS.

6.2. Về mặt thực tiễn

Đề tài đã phân tích thực trạng tình hình tội phạm, nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa đối với một tội phạm cụ thể là tội CGTS, trên địa bàn cụ thể là thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể là tài liệu có giá trị thực tiễn để tham khảo dành cho các cơ quan, viện nghiên cứu và người đọc quan tâm đến tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

7. Kết cấu của luận văn

Đề tài luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Chương 2: Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Chương 1

TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1.1. Khái quát lý luận về tình hình tội cướp giật tài sản

1.1.1. Khái niệm tình hình tội cướp giật tài sản

Tình hình tội phạm là một thuật ngữ khoa học, nhưng đồng thời cũng là một thuật ngữ thường được dùng trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm của nước ta. Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực mang tính lịch sử cụ thể và pháp lý hình sự, có tính giai cấp và được biểu hiện thông qua tổng thể các tội phạm cùng các chủ thể thực hiện các tội phạm đó trong một đơn vị hành chính lãnh thổ nhất định và trong một thời gian cụ thể nhất định.

Dựa trên các dấu hiệu và các thuộc tính của tình hình tội phạm, tác giả Võ Khánh Vinh đã định nghĩa về tình hình tội phạm: “Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong khoảng thời gian nhất định”.*[41, tr.60]*

Xuất phát từ đối tượng, phạm vi nghiên cứu, luận văn sẽ đi sâu và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về tình hình tội CGTS, là một tội phạm cụ thể trong nhóm tội xâm phạm sở hữu, quy định tại Điều 171 BLHS năm 2015 *[27]*.

Cướp giật tài sản là hành vi công khai, nhanh chóng giật lấy tài sản trong tay người khác hoặc đang trong sự quản lý của người có trách nhiệm về tài sản rồi tẩu thoát mà không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc bất cứ một thủ đoạn nào nhằm uy hiếp tinh thần của người quản lý tài sản. Vì vậy, có

thể định nghĩa tội cướp giật tài sản như sau: Cướp giật tài sản là nhanh chóng giật lấy tài sản của người khác một cách công khai rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Có thể nói, đặc trưng của tội cướp giật tài sản là hành vi giật, tức là giành mạnh lấy tài sản về mình một cách nhanh chóng (ngay tức khắc). Hành vi CGTS thường là một yếu tố bất ngờ làm cho người có trách nhiệm đang quản lý tài sản khi bị giật thì không tự giữ được tài sản của mình.

Hành vi giật tài sản của người phạm tội được thực hiện một cách công khai, tức là không có ý thức che giấu hành vi của mình đối với chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản và những người khác. Đây cũng là một đặc trưng để phân biệt với những trường hợp phạm tội khác như hành vi trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản không có tính công khai, trắng trợn.

Tính chất công khai của hành vi cướp giật tài sản là công khai với chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản là bị giật chứ không phải công khai với chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản về thân phận của người phạm tội. Đối với, nhân thân của tội phạm khi thực hiện tội phạm giật lấy tài sản vào ban đêm làm cho người đang quản lý tài sản không có điều kiện để giữ lấy tài sản thì hành vi đó được xem là hành vi CGTS.

Đối với người thực hiện hành vi CGTS thường thực hiện khi nạn nhân không chú ý hoặc sơ hở đến tài sản của mình đang quản lý, hoặc khi bị cướp giật thì không có điều kiện chống trả như: đang lái xe, hoặc đi bộ, chở trẻ em...

Trước hết, cần khẳng định rằng, tình hình tội CGTS là tình hình của một tội phạm cụ thể (tội CGTS). Vì thế khái niệm về tình hình tội CGTS cũng phải được xây dựng dựa trên khái niệm tình hình tội phạm nói chung. Trong khái niệm này, vừa phải thể hiện được bản chất cũng như mặt biểu hiện của tình hình tội CGTS. Với các tiếp cận như vậy, đồng thời dựa trên khái niệm chung về tình hình tội phạm, có thể kết luận: *“Tình hình tội CGTS là một hiện*

tượng tâm sinh lý xã hội tiêu cực, vận động (thay đổi) về mặt lịch sử, mang tính pháp lý hình sự, được biểu hiện ở tổng thể thống nhất các hành vi phạm tội CGTS đã xảy ra và các chủ thể thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị không gian (hành chính-lãnh thổ) thời gian nhất định”.

Như vậy, dưới góc độ tội phạm học, tình hình tội CGTS phải được biểu hiện là một chỉnh thể gồm hai mặt : mặt bản chất và mặt biểu hiện của bản chất đó. Trong hai mặt đó, mặt biểu hiện bản chất của tình hình tội cướp giật có thể nhận thức, đánh giá được thông qua các đặc điểm định lượng và định tính của tình hình đó. Các đặc điểm định lượng được đánh giá thông qua các thông số phản ánh: thực trạng (mức độ), diễn biến (động thái) của tình hình tội CGTS. Còn các đặc điểm định tính lại được đánh giá thông qua các thông số phản ánh cơ cấu, tính chất của tình hình tội CGTS ở một địa bàn nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định. Khả năng nhận thức của con người lại hạn chế, vì thế, trên thực tế, khi nhận thức đánh giá tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội cướp giật nói riêng, các nhà nghiên cứu thường chỉ dựa trên phần hiện của tình hình tội phạm, còn phần ẩn của nó rất khó đánh giá. Song để thấy được bức tranh toàn cảnh của tình hình tội cướp giật tài sản đòi hỏi người nghiên cứu phải đánh giá cả phần hiện và cả phần ẩn của tình hình tội CGTS trên phương diện lý luận.

1.1.2. Phần hiện của tội cướp giật tài sản

Phần hiện của tình hình tội CGTS là toàn bộ những hành vi phạm tội của tội phạm liên quan đến CGTS và chủ thể của các hành vi đó đã bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự liên quan đến tội CGTS ở từng địa phương cụ thể hay trên phạm vi toàn quốc, trong những khoảng thời gian, không gian nhất định và được ghi nhận trong thống kê hình sự của quốc gia đó [33].

Như vậy, phần hiện của tình hình tội cướp giật chỉ có thể làm rõ nhờ số liệu thống kê thường xuyên của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, đặc

biệt là của tòa án và nhờ vào một lượng bản án cụ thể mà người nghiên cứu thu thập được. Những số liệu thống kê này phản ánh các đặc điểm định lượng và định tính của tình hình tội CGTS đó là: mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình đó.

1.1.2.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình tội cướp giết tài sản

Mức độ (thực trạng) của tình hình tội CGTS là đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết toàn bộ số vụ phạm tội CGTS đã xảy ra và số người phạm các tội đó bị tòa án đưa ra xét xử sơ thẩm. Khi đánh giá mức độ của tình hình tội CGTS người nghiên cứu thường làm rõ cả mức độ tổng quan tuyệt đối, mức độ tổng quan tương đối và so sánh.

Mức độ tổng quan tuyệt đối phản ánh tổng số vụ và bị cáo phạm các tội CGTS trong một phạm vi không gian, thời gian xác định.

Mức độ tổng quan tương đối và so sánh được đánh giá thông qua cơ số (hệ số) tội CGTS (bị cáo/100.000 dân), mật độ tội cướp giết (bị cáo/1km²) hoặc tỷ lệ tội CGTS (tỷ lệ trung bình mỗi năm trong phạm vi thời gian đánh giá, cả về số vụ và số người phạm tội CGTS)

1.1.2.2. Diễn biến (động thái) của tình hình tội cướp giết tài sản

Diễn biến (động thái) của tình hình tội CGTS là sự biến đổi, vận động về thực trạng và cơ cấu của tình hình tội CGTS tại một không gian và thời gian cụ thể mà có sự ghi nhận bằng các số liệu nhất định. Sự biến đổi của tình hình tội CGTS được xác định bằng tỷ lệ tăng hoặc giảm về số lượng và tính chất của tội phạm CGTS trong thực tế, hay cơ cấu tình hình tội CGTS so với thời gian được lựa chọn làm mốc để đối chiếu và so sánh (năm định gốc). Khi nghiên cứu diễn biến tình hình tội CGTS của một địa bàn trong một giai đoạn với thời gian đủ dài, sẽ giúp chứng minh được quy luật thay đổi, vận động về tội CGTS. Kết quả nghiên cứu về động thái của tình hình tội CGTS trong thực tế là cơ sở cho việc dự báo tình hình tội phạm đó trong thời gian tới trên địa bàn cần nghiên cứu

cứu và trên cơ sở đó, có thể xây dựng kế hoạch, các dự án cho hoạt động phòng, chống tội CGTS của các cơ quan có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ cho phép. Đồng thời, nghiên cứu một cách hoàn chỉnh vấn đề này là nền tảng để hoàn thiện hệ thống pháp luật, cũng như quy định của pháp luật hình sự về tội CGTS tại Việt Nam.

1.1.2.3. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản

Cơ cấu của tình hình tội CGTS là cơ sở để nhận biết về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tình hình tội CGTS trên một địa bàn vào một khoảng thời gian cụ thể. Về cơ bản, tội phạm học thường nghiên cứu cơ cấu cơ bản và cơ cấu chuyên biệt để đánh giá tính chất của tình hình tội CGTS.

Cơ cấu cơ bản của tình hình tội cướp giật (tình hình của một tội phạm cụ thể) thường được đánh giá theo các hành vi phạm tội cụ thể.

Cơ cấu chuyên biệt là loại cơ cấu xét theo các tiêu chí đặc tả tình hình tội CGTS bằng một hệ thống tiêu chí riêng, như theo hình phạt được áp dụng; theo đặc điểm nhân thân người phạm tội CGTS...

1.1.2.4. Tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản

Tội phạm học Việt Nam xem tính chất của tình hình tội phạm, trong đó có tội CGTS là một đặc trưng cơ bản của nó trong quá trình nghiên cứu và đánh giá thực tiễn. Đặc điểm này phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của tình hình tội CGTS ở từng thời gian và không gian khác nhau được nhận diện thông qua mức độ, diễn biến và cơ cấu của tình hình đó. Số lượng tội phạm CGTS cũng như ở đặc điểm nhân thân của những người tội phạm này là đặc trưng cơ bản của tình hình tội CGTS. [41, tr.36].

1.1.3. Phân ẩn của tội cướp giật tài sản

Bên cạnh nghiên cứu phân hiện của tình hình tội CGTS thì trong quá trình nghiên cứu tình hình tội CGTS còn phải nghiên cứu phân ẩn của tình

hình tội CGTS để có kế hoạch dự báo tình hình và kế hoạch phòng ngừa tội CGTS sát với thực tế.

Nghiên cứu tình hình tội CGTS trên một địa bàn cụ thể, nhất là khi đánh giá đặc tính về lượng của tình hình tội CGTS theo từng thời gian, ngoài việc chứng minh phần hiện của tình hình tội CGTS thì cũng phải nghiên cứu phần ẩn của tình hình tội phạm này do đóng vai trò vô cùng quan trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội CGTS do nhiều lý do khác nhau dẫn đến người thực hiện hành vi phạm tội này không bị phát hiện như nạn nhân không báo hoặc gây ảnh hưởng đến việc thống kê của các cơ quan ban ngành.

Căn cứ vào nguyên nhân dẫn tới tính tội phạm ẩn có thể phân tội phạm ẩn của tội CGTS thành ba loại: Tội phạm ẩn khách quan, tội phạm ẩn chủ quan và tội phạm ẩn thống kê.

Tội phạm ẩn khách quan khi nghiên cứu về tội phạm liên quan đến hành vi CGTS là một bộ phận của tội phạm sở hữu và là những tội phạm đã xảy ra trong thực tế trên một địa bàn cụ thể với thời gian đủ dài để đánh giá, song các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã không có thông tin về chúng.

Ngược lại, tội phạm CGTS chủ quan là những người phạm tội CGTS đã bị phát hiện, nhưng do nhiều lý do khác nhau mà các hành vi này chưa bị pháp luật trừng trị. Chính vì vậy, tội phạm ẩn chủ quan liên quan đến hành vi CGTS xuất phát từ các chủ thể mà theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, kể từ khâu trực tiếp tiếp nhận tin báo, tin tố giác về tội phạm cho đến khâu xét xử vụ án hình sự liên quan đến tội CGTS. Tội phạm ẩn chủ quan cũng xuất phát từ hạn chế về nghiệp vụ hoặc thiếu ý thức trách nhiệm của lực lượng trực tiếp đấu tranh chống tội phạm [41, tr.43].

Tội phạm ẩn thống kê là bao gồm toàn bộ những hành vi phạm tội CGTS đã bị xử lý hình sự, nhưng do quy định của pháp luật về thống kê hình sự, thống kê tội phạm của Nhà nước nên không được thống kê [37].

Căn cứ vào đơn vị tính là “vụ” và “người” theo tội danh và hình phạt trong đó, đối với một vụ án do cùng người thực hiện qua điều tra, truy tố, xét xử thì đối tượng phạm tội của vụ án này không khai báo nhận tội hết hoặc khai nhận nhưng không xác định được nạn nhân nên không thể đưa vào số liệu thống kê tội phạm hàng năm. Vì vậy, tác hại của tội phạm ẩn thống kê là đưa ra các thông tin sai lệch về số liệu tình hình tội phạm đã bị phát hiện nói chung, ảnh hưởng đến việc đánh giá tình hình tội phạm cũng như việc đưa ra các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm trong từng giai đoạn nhất định. Việc làm rõ các thông số ẩn, như: lý do ẩn, thời gian ẩn, độ ẩn, tỷ lệ ẩn và vùng ẩn cần được nghiên cứu ở cả ba loại tội phạm ẩn nêu trên.

1.2. Tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1.2.1. Phân hiện của tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1.2.1.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình tội cướp giết tài sản địa bàn thành phố Đà Nẵng

Số lượng và người thực hiện loại tội phạm này là thông số về lượng thể hiện mức độ của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng tại một thời điểm nhất định. Để làm rõ tình hình tội CGTS từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 trên địa bàn TP Đà Nẵng, đầu tiên cần nắm rõ được số bị cáo, số vụ phạm tội đã qua xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật trên địa bàn TP Đà Nẵng. Trên cơ sở số liệu thống kê số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 cho thấy mức độ tổng quan của tình hình tội cướp giết ở địa bàn này, được minh chứng tại Bảng 1.1.

Bảng 1.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

Năm	Số vụ án	Số người phạm tội
2013	16	52
2014	18	46
2015	21	61
2016	17	43
2017	18	48
Hết tháng 6/2018	8	22
Tổng	98	272

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Qua Bảng 1.1 có thể nhận thấy trong thời gian từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 TAND TP Đà Nẵng đã xét xử 98 vụ án với 272 bị cáo phạm tội CGTS. Như vậy tính trung bình mỗi năm TAND TP Đà Nẵng xét xử khoảng 18 vụ với 49 bị cáo. Để có thể đánh giá mức độ phạm tội như vậy là cao hay thấp, mức độ tổng quan này phải được so sánh với tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói riêng trên địa bàn TP Đà Nẵng được thể hiện ở Bảng 1.2 và Bảng 1.3.

Bảng 1.2. Tỷ lệ các tội CGTS trong tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến tháng 6/2018

Năm	Tình hình tội CGTS		Tình hình tội phạm		Tỷ lệ % (1/3)	Tỷ lệ % (2/4)
	Tổng số vụ (1)	Tổng số bị cáo (2)	Tổng số vụ (3)	Tổng số bị cáo (4)		
2013	16	52	712	1.212	2,25	4,29

2014	18	46	636	1.024	2,83	4,49
2015	21	61	654	1.018	3,21	5,99
2016	17	43	729	1.161	2,33	3,70
2017	18	48	788	1.207	2,28	3,98
T6/2018	8	22	362	592	3,64	3,72
Tổng	98	272	3.881	6.214	2,53	4,38

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Bảng 1.3. Tỷ lệ các tội CGTS trong tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến tháng 6/2018

Năm	Tình hình tội CGTS		Tình hình tội xâm phạm sở hữu		Tỷ lệ % (1/3)	Tỷ lệ % (2/4)
	Tổng số vụ (1)	Tổng số bị cáo (2)	Tổng số vụ (3)	Tổng số bị cáo (4)		
2013	16	52	178	382	9,00	13,61
2014	18	46	228	319	7,89	14,42
2015	21	61	218	309	9,63	19,74
2016	17	43	240	341	7,08	12,61
2017	18	48	235	329	7,66	14,60
T6/2018	8	22	122	171	6,56	12,86
Tổng	98	272	1.221	1.851	8,03	14,69

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Theo số liệu tại Bảng 1.2 và Bảng 1.3 cho thấy, giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018, trên địa bàn TP Đà Nẵng có 98 vụ án CGTS được khởi tố với 272 bị cáo (Trong đó, năm 2013 có số vụ phạm tội ít nhất với 16 vụ, ngược lại năm 2015 có số vụ án cướp giật nhiều nhất với 21 vụ). Bên cạnh đó, khi phân tích về số bị cáo thì năm 2017 mặc dù có 18 vụ án nhưng có tới 48 bị cáo.

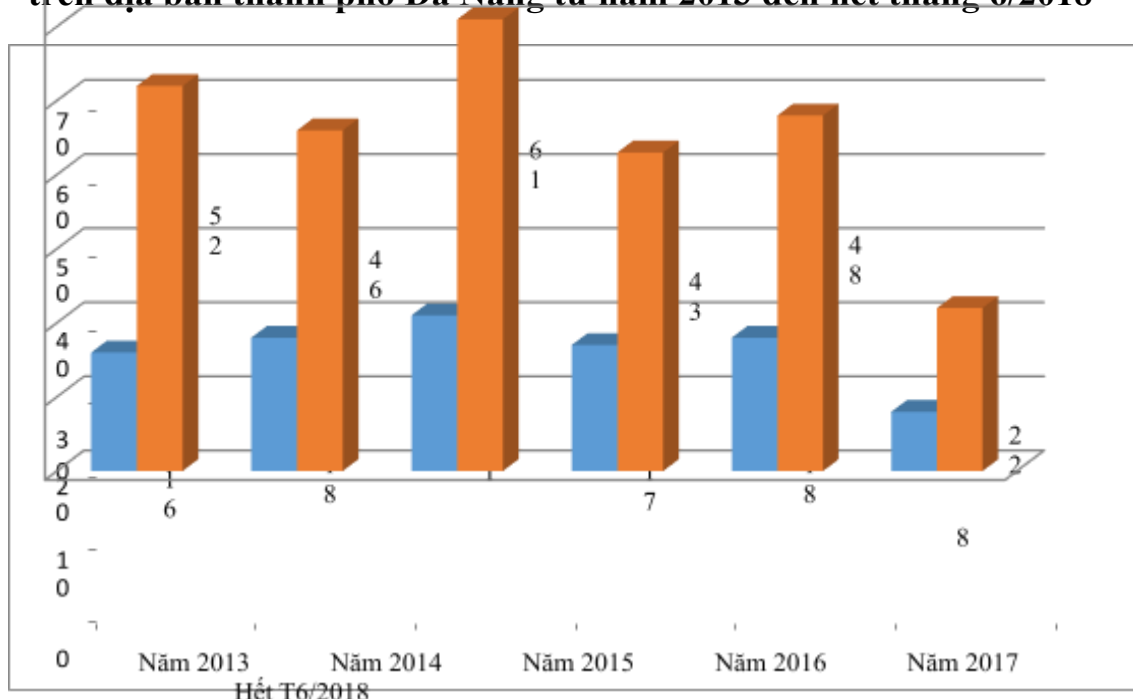
Trong khi đó, khi so sánh về tỷ lệ vụ án cướp giết so với tổng số vụ án khởi tố trên địa bàn TP Đà Nẵng thì rõ ràng năm 2015, 2018 có tỷ lệ tương đối cao so với các năm còn lại. Tuy nhiên, về tiêu chí bị cáo thì tỷ lệ có xu hướng tăng từ năm 2013 đến năm 2015 và giảm dần.

Phân tích số liệu báo cáo về tình hình tội CGTS và tội phạm sở hữu trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian qua cho thấy: Trong giai đoạn nghiên cứu số vụ án cướp giết là 98 vụ được khởi tố chiếm 8,03% tổng vụ án về tội phạm sở hữu (1.221 vụ). Trong khi đó, tỷ lệ bị cáo bị khởi tố trong giai đoạn này liên quan đến tội phạm về CGTS là 272 bị cáo chiếm 14,69%. Đặc biệt, năm 2015 tỷ lệ này là cao nhất với 19,74%, ngược lại năm 2016 là thấp nhất với 12,61%.

1.2.1.2. Diễn biến (động thái) của tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Diễn biến tình hình tội CGTS là sự thay đổi về thực trạng và cơ cấu của tình hình đó tại địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2013 đến tháng 6/2018. Để thấy rõ sự thay đổi của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 ta có thể xem biểu đồ biểu diễn số vụ án và số người phạm tội đã qua xét xử trong thời gian qua theo số liệu của Bảng 1.1 và thể hiện qua Biểu đồ 1.1.

Biểu đồ 1.1. Diễn biến tình hình tội CGTS theo số lượng vụ án và bị cáo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018



Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Biểu đồ 1.1 cho thấy, tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng trong hơn năm năm qua có sự biến động không ổn định. Cụ thể, từ năm 2013 đến năm 2015 tình hình tội CGTS có chiều hướng tăng dần, sau đó biến động giảm nhẹ. Tương tự diễn biến tình hình tội CGTS theo số lượng vụ án, diễn biến về số người phạm tội CGTS trong hơn năm năm trên địa bàn TP Đà Nẵng có sự tăng, giảm khác nhau giữa các năm và không theo một xu hướng cụ thể nào. Từ đó, chứng minh rằng số vụ án được TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng tuyên án về tội CGTS thì tỷ lệ vụ án đồng phạm tăng dần và mang tính liều lĩnh, phức tạp, nguy hiểm cao hơn.

1.2.1.3. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thống kê cho thấy có 98 vụ/272 người phạm tội này đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn TP Đà Nẵng đưa ra xét xử hàng năm và tại gia

đoạn hiện nay chưa nói lên được những đặc điểm bên trong của loại tội phạm này. Do vậy, để biết được đặc điểm về bản chất tình hình tội CGTS đã được TAND các cấp xét xử xảy ra trên địa bàn TP Đà Nẵng, đề tài luận văn cần phân tích, nghiên cứu cơ cấu sâu hơn đối với tình hình tội CGTS.

(1) *Cơ cấu về hình phạt chính và hình phạt bổ sung được áp dụng đối với những người phạm tội CGTS*

Cơ cấu này được thể hiện qua tỷ trọng giữa các loại, mức hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với người phạm tội CGTS, Bảng 1.4.

Bảng 1.4. Cơ cấu về hình phạt được áp dụng đối với những người phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

Năm	Số bị cáo	Hình phạt chính					Hình phạt bổ sung
		Tù 1 - dưới 3 năm	Tù 3 - 7 năm	Trên 7 năm đến 15 năm	Trên 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân	
2013	52	10	38	4	0	0	0
2014	46	11	32	3	0	0	0
2015	61	14	41	6	0	0	0
2016	43	11	30	2	0	0	0
2017	48	9	34	5	0	0	0
T6/2018	22	8	11	3	0	0	0
Tổng	272	63	186	23	0	0	0
Tỷ lệ %	100	23,16	68,38	8,46	0	0	0

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Qua Bảng 1.4 số liệu cho thấy loại hình phạt chính được Tòa án áp dụng khi xét xử tội CGTS chủ yếu là hình phạt tù, từ ba năm đến bảy năm là nhiều nhất (68,38%), đang ở giai đoạn nghiên cứu (từ năm 2013 đến hết tháng

6/2018) tổng số hình phạt được áp dụng đối với 186/272 bị cáo (đã xét xử có bản án) về tội này. Theo đó là từ một năm đến dưới ba năm (23,16%), tương ứng với 63/272 bị cáo (đã xét xử có bản án) về tội này. Tiếp đến là hình phạt trên bảy năm đến 15 năm (8,46%) tổng số hình phạt được áp dụng đối với 23/272 bị cáo (đã xét xử có bản án) về tội này. Cuối cùng, về khung hình phạt tù từ trên 15 năm và tù chung thân ở giai đoạn này (2013 đến hết tháng 6/2018), thì TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng không có áp dụng đối với khung hình phạt này. Như đã biết tại khoản 5 Điều 136 của BLHS năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) có quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền được áp dụng đối với người phạm tội CGTS [27]. Nhưng, qua thời gian xét xử không có TAND nào trên địa bàn TP Đà Nẵng áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tội CGTS từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018.

(2) *Cơ cấu tội phạm CGTS phân theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện*

Cơ cấu tội phạm CGTS được thể hiện qua Bảng 1.5.

Bảng 1.5. Cơ cấu vụ án theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

TT	Năm Quận/huyện	2013	2014	2015	2016	2017	Hết T6/ 2018	Tổng
1	Hải Châu	1	3	4	2	2	0	12
2	Thanh Khê	3	3	2	2	3	1	14
3	Sơn Trà	1	2	3	2	0	1	9
4	Ngũ Hành Sơn	2	3	3	3	4	2	17
5	Liên Chiểu	2	2	2	1	2	1	10
6	Cẩm Lệ	3	2	3	4	2	1	15
7	Hòa Vang	4	3	4	3	5	2	21
Tổng		16	18	21	17	18	8	98

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Từ số liệu thống kê Bảng 1.5 cho thấy, quận Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang là những địa phương có mức độ phạm tội CGTS là cao nhất với lần lượt là 17, 15 và 21 vụ án liên quan đến phạm tội CGTS, kể đến là quận Thanh Khê, Hải Châu, quận Liên Chiểu... là đơn vị có mức độ phạm tội thấp nhất với 9 vụ trong giai đoạn từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 liên quan đến tội CGTS.

(3) Cơ cấu tội phạm CGTS phân theo độ tuổi của bị cáo

Bảng 1.6. Độ tuổi của các bị cáo phạm tội CGTS đã được TAND thành phố Đà Nẵng xét xử từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018

Năm	Số bị cáo	Dưới 18 tuổi		Từ 18 - 30 tuổi		Trên 30 tuổi	
		Số bị cáo	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %
2013	52	3	5,77	40	76,92	9	17,31
2014	46	3	6,52	33	71,74	10	21,74
2015	61	4	6,56	46	75,41	11	18,03
2016	43	1	2,32	36	83,72	6	13,95
2017	48	3	6,25	32	66,67	13	27,08
Hết tháng 6/2018	22	1	4,54	16	72,73	5	22,73
Tổng	272	15	5,51	203	74,63	54	19,85

Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng

Bảng 1.6 cho thấy độ tuổi của các đối tượng phạm tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng rất đa dạng. Qua nghiên cứu, phân tích thành phần độ tuổi các bị cáo phạm tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018, số bị cáo dưới 18 tuổi là 15/272 bị cáo, chiếm tỷ lệ 5,51% phạm tội này, đại đa số còn ở tuổi đi học, sống chung với bố mẹ nhưng trong giai đoạn này thường gặp những vấn đề về tình cảm, ham chơi... nên dễ dàng thực hiện

các hành vi CGTS. Số bị cáo từ 18 tuổi đến 30 tuổi là 203/272 bị cáo, chiếm tỷ lệ 74,63%, số bị cáo trên 30 tuổi là 54/272 bị cáo, chiếm tỷ lệ 19,85%.

(4) Cơ cấu tội phạm CGTS phân theo giới tính

Bảng 1.7. Giới tính của bị cáo phạm tội CGTS đã được TAND thành phố Đà Nẵng xét xử từ năm 2013 đến tháng 6/2018

Năm	Số bị cáo	Nam		Nữ	
		Số bị cáo	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %
2013	52	50	96,15	2	3,85
2014	46	42	91,30	4	8,69
2015	61	58	95,08	3	4,92
2016	43	40	93,02	3	6,98
2017	48	44	91,67	4	8,33
Hết tháng 6/2018	22	19	86,36	3	13,64
Tổng	272	253	93,01	19	6,98

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Bảng 1.7, cho thấy số người phạm tội CGTS chủ yếu là nam giới. Trong số 272 bị cáo phạm tội CGTS đã bị xét xử trong giai đoạn gần đây trên địa bàn TP Đà Nẵng, thì có 253 bị cáo là nam giới, chiếm tỷ lệ 93,02%. Còn lại 19 bị cáo là nữ giới, chiếm tỷ lệ 6,98%.

(5) Cơ cấu tội CGTS phân theo trình độ học vấn

**Bảng 1.8. Trình độ học vấn của các bị cáo phạm tội CGTS đã được
TAND thành phố Đà Nẵng xét xử từ năm 2013 đến tháng 6/2018**

Năm	Số bị cáo	Không biết chữ	Tiểu học	THCS	THPT	Đào tạo chuyên nghệ nghiệp
2013	52	0	4	11	31	6
2014	46	0	8	13	21	4
2015	61	1	8	18	29	5
2016	43	0	5	16	19	3
2017	48	1	3	14	26	4
Hết tháng 6/2018	22	0	3	7	9	3
Tổng	272	2	31	79	135	25
	100%	0,74	11,40	29,04	49,63	9,19

Nguồn: *Tổng hợp các bản án của TAND TP Đà Nẵng về tội phạm CGTS*

Bảng 1.8 cho thấy tỷ lệ số người phạm tội có trình độ học vấn rất thấp tập trung ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong số các bị cáo về tội CGTS trong thời gian nghiên cứu thì có 2/272 bị cáo mù chữ (0,74%); có 31/272 bị cáo trình độ tiểu học (11,40%); có 79/272 bị cáo trình độ trung học cơ sở (29,04%); có 135/272 bị cáo trình độ trung học phổ thông (49,63%); có 25/272 bị cáo đã được đào tạo ở bậc chuyên nghiệp (trung cấp, cao đẳng) và dễ dàng có thể thấy tỷ lệ các đối tượng phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố chủ yếu là có trình độ trung học phổ thông. Ngoài ra, khi nghiên cứu các bản án về tội CGTS trên địa bàn thành phố thời gian qua thì nghề nghiệp của các đối tượng phạm tội này cũng không rõ ràng, một số đối tượng đi làm thuê, làm mướn còn chủ yếu là không có nghề nghiệp cố định.

(6) Cơ cấu tội CGTS phân theo tài sản bị chiếm đoạt, thu giữ

Bảng 1.9. Bảng thống kê số vụ CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 theo tài sản bị chiếm đoạt

TT	Tài sản	Giá trị tài sản	Số vụ	Tỷ lệ
1	Trang sức	271.322.000	26	26,53
2	Tiền mặt	52.233.000	11	11,22
3	Điện thoại	225.116.000	32	32,65
4	Xe máy	1.021.165.000	16	16,33
5	Khác	89.513.000	13	13,26
Tổng		1.605.349.000	98	100%

Nguồn: Tổng hợp các bản án của TAND thành phố Đà Nẵng về tội CGTS

Bảng 1.9 cho thấy, tài sản bị chiếm đoạt gồm nhiều loại tài sản khác nhau, bất kỳ tài sản nào có giá trị và có cơ hội chiếm đoạt thì trở thành đối tượng bị CGTS đó là tiền, vàng và các tài sản có giá trị khác. Theo số liệu thống kê tổng kết trong hơn 5 năm của VKSND TP Đà Nẵng đã phát hiện, điều tra, truy tố 98 vụ CGTS gây hậu quả cụ thể: Tài sản bị cướp giật nhiều nhất là điện thoại (với nhiều thương hiệu như Iphone, Glaxy, Sony...) với 32 vụ án. Tuy nhiên, với 16 vụ án cướp xe máy và tài sản gắn liền xe máy trên địa bàn với giá trị tài sản lên đến hàng tỷ đồng cho thấy các đối tượng đã không từ thủ đoạn để thực hiện các hành vi phạm tội của mình.

Bên cạnh đó, các đối tượng còn tiêu hủy nhiều đồ vật, túi xách, giấy chứng minh, bằng lái xe, các thẻ... Đáng chú ý, đối với 98 vụ án CGTS được TAND các cấp xét xử thì có 7 vụ cướp giật đối với người đang điều khiển xe máy và đã gây ra tai nạn, gây thương tích cho người bị hại, làm hư hỏng xe máy với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 82.334.000 đồng.

(7) Cơ cấu của tình hình tội CGTS phân theo thủ đoạn phạm tội

Bảng 1.10. Bảng thống kê số vụ CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 theo thủ đoạn phạm tội

TT	Phương thức, thủ đoạn	Đối tượng	Tỷ lệ (%)
1	Đối tượng sử dụng xe máy (thường đi hai người) tìm kiếm con mồi trên các tuyến đường, khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản, có điều kiện thuận tiện thì giật chiếm lấy tài sản rồi tẩu thoát.	83	30,51
2	Nhóm đối tượng có từ 2 người và 2 xe trở lên, có sự bàn bạc, phân công đối tượng trực tiếp giật tài sản và đối tượng khác làm nhiệm vụ cản địa.	87	31,98
3	Thủ đoạn, khi phát hiện có điều kiện như: nạn nhân đeo vàng, dây chuyền, nghe điện thoại, mang cầm túi sách... dừng xe tại đèn đỏ, đi trên tuyến đường vắng, đi bộ thì lúc này các đối tượng tiếp cận nạn nhân rồi bất ngờ giật tài sản sau đó nhanh chóng cùng đồng bọn tăng ga để tẩu thoát	38	13,97
4	Thủ đoạn giả là khách hỏi đường, mua hàng như: điện thoại, vàng, vé số... lợi dụng sơ hở của người đang quản lý tài sản, bất ngờ giật tài sản rồi bỏ chạy ra cùng đồng bọn tẩu thoát.	22	8,09
5	Các thủ đoạn khác	42	15,44
Tổng		272	100

Nguồn: Tổng hợp các bản án của TAND TP Đà Nẵng về tội phạm CGTS

Bảng 1.10 cho thấy, các đối tượng phạm tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng có sự chuẩn bị và có kế hoạch khi thực hiện gây án như chuẩn bị phương tiện gây án, lựa chọn những người có thể trở thành nạn nhân để chiếm

đoạt tài sản khi họ sơ hở, quan sát các địa điểm và lựa chọn thời gian để gây án. Phân tích các bản án cho thấy các đối tượng phạm tội chủ yếu đi 02 người, đi cùng phương tiện hoặc dàn cảnh đưa đoán, căn địa để CGTS khi các đối tượng sơ hở.

(8) *Cơ cấu của tình hình tội CGTS phân theo phương thức, thủ đoạn phạm tội*

Bảng 1.11. Bảng thống kê số vụ CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 theo phương tiện phạm tội

TT	Phương thức, thủ đoạn	Đối tượng	Tỷ lệ (%)
1	Sử dụng xe máy	191	70,22
2	Sử dụng phương tiện khác hoặc không sử dụng phương tiện	81	29,78
Tổng		272	100

Nguồn: *Tổng hợp các bản án của TAND TP Đà Nẵng về tội phạm CGTS*

Bảng 1.11 cho thấy, thì kết quả phân tích các bản án cho thấy, người phạm tội thường sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội với 70,22% bị can sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội.

1.2.1.4. Tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Qua nghiên cứu Bảng 1.1. thì tình hình tội phạm này trên địa bàn TP Đà Nẵng qua thực tiễn cho thấy không ổn định và có sự tăng giảm khác nhau đối với các năm. Giai đoạn năm 2013 đến năm 2015 số vụ án đưa ra xét xử có chiều hướng tăng dần (năm 2013 có 16 vụ; năm 2015 có 21 vụ). Nhưng đến năm 2016 thì tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng giảm cả số vụ và người phạm tội (năm 2016 có 17 vụ) nhưng lại có xu hướng tăng trở lại vào năm 2017. Muốn làm rõ tính chất của tình hình tội

này, cần xem xét mức độ đồng phạm trong các vụ án CGTS như sau, Bảng 1.12.

Bảng 1.12. Tỷ lệ so sánh với số vụ án phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018

Năm	Số vụ án	Số bị cáo	Số bị cáo/ 1 vụ
2013	16	52	3,25
2014	18	46	2,56
2015	21	61	2,90
2016	17	43	2,52
2017	18	48	2,67
Hết tháng 6/2018	8	22	2,75
Tổng	98	272	2,77

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Qua Bảng 1.12 cho thấy, tỷ lệ vụ án CGTS xảy ra trên địa bàn TP Đà Nẵng trong giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018 có đồng phạm rất cao, trung bình có 2,77 người phạm tội/vụ án CGTS và tỷ lệ này cũng diễn biến hết sức phức tạp, tăng giảm không ổn định qua từng năm, nhất là năm 2013 và năm 2015 các vụ án CGTS có đồng phạm rất cao.

Trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian qua các vụ án, số lượng bị cáo theo thống kê số liệu cho thấy đại đa số tội phạm này xảy ra là vụ án có đồng phạm cùng tham gia hoặc che dấu, hoặc tiếp tay, thậm chí là có 6 người cùng tham gia thực hiện hành vi CGTS. Các vụ án này đều có bàn bạc thống nhất với nhau trước khi thực hiện tội phạm và chuẩn bị phương tiện, công cụ chống trả khi bị lực lượng phát hiện truy đuổi, có sự phân công trong đó gồm có: Người chủ mưu, người tổ chức, người thực hành, người giúp sức...; Đối với tội phạm này khi hoạt động luôn có sự liên kết với nhau theo kiểu băng nhóm, kết nối giữa đối tượng TP Đà Nẵng với đối tượng ngoài tỉnh như:

Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trịvà đối tượng từ địa phương khác di cư đến để hoạt động... sau khi thực hiện giúp nhau lẫn tránh, làm cho công tác điều tra gặp nhiều khó khăn trở ngại.

Về nhân thân người phạm tội: Đã làm rõ ở trên, chủ yếu là thanh niên phạm tội, đa số nhân thân người phạm tội là thích hưởng thụ, lười lao động, không nghề nghiệp, sống không ổn định, xuống cấp về đạo đức lối sống, đặc biệt là có nhân thân, lai lịch xấu... Đây là thành phần nguy hiểm cho xã hội, nếu không kịp thời phát hiện tội phạm thì vẫn tiếp tục gây nguy hại cho xã hội.

Tội CGTS để lại hậu quả nguy hiểm, hệ lụy đối với xã hội và không những vậy còn gây ra hậu quả về sức khỏe, tính mạng, tinh thần và mất mát tài sản cho người bị hại... Ngoài ra, hành vi này còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật, gây ra tâm lý lo âu trong đông đảo quần chúng nhân dân, tại địa phương thì ảnh hưởng nhiều đến an ninh trật tự.

1.2.2. Phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn TP Đà Nẵng

Việc đánh giá, phản ánh chính xác, đầy đủ, thực tế về tình hình tội CGTS xảy ra trên địa bàn TP Đà Nẵng đã được TAND các cấp trong những năm qua ngoài con số 98 vụ án/272 bị cáo, bên cạnh đó phải thêm số tội phạm ẩn của tội phạm này có liên quan. Đồng thời, tất cả tội phạm về tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, thực tế nhiều vụ CGTS đã xảy ra và số đối tượng thực hiện hành vi cướp giật chưa bị phát hiện và xử lý về hình sự, do đó chưa có thống kê được.

Điều 3 BLHS năm 2015 quy định “Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật...” thể hiện nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội (trong đó có tội CGTS). Mặc dù BLHS năm 2015 quy định, đối với thực tế tại TP Đà Nẵng mà Cơ quan điều tra, VKSND, TAND các cấp chưa hoặc không phát hiện xử lý,

vẫn tồn tại thực trạng của tội phạm này, do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau dưới đây:

Thứ nhất, trong giai đoạn 2013 - đến hết tháng 6/2018, từ số liệu của tội phạm ản của tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng nhưng số lượng do tố giác tin báo, thông tin cung cấp có giá trị mà các cơ quan pháp luật đã tiến hành điều tra xử lý chỉ có tổng cộng 63 vụ. Tình trạng này cho thấy chỉ trong thời gian ngắn xảy ra nhiều hành vi cướp giật (có khi chỉ trong 1-2 giây cho hành vi CGTS) tác động nhiều nguyên nhân khác nhau như đối tượng nguy trang phương tiện (biến số giả, tẩy xóa số, dán số...) hóa trang người và đặc biệt dùng thủ đoạn giả vờ tiếp cận bị hại.

Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng nhưng trong giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018, các tin báo, tố giác về tội cướp giật nhưng chưa được phát hiện là 63 tin, đây cũng là những nguyên nhân và là một vấn đề hết sức khó khăn trong điều tra vụ án cướp giật.

Bảng 1.13. Kết quả quản lý và xử lý tin báo, tố giác tội phạm về tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018

Năm	Số tin báo	Kết quả giải quyết các tin báo			
		Được khởi tố	Tỷ lệ %	Không được khởi tố	Tỷ lệ %
2013	26	16	61,54	10	38,46
2014	33	18	54,55	15	45,45
2015	30	21	70	9	30
2016	28	17	60,71	11	39,29
2017	30	18	60	12	40
Hết tháng 6/2018	14	8	57,14	6	42,86
Tổng	161	98	60,87	63	39,13

Nguồn: *Số liệu thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng*

Tại Bảng 1.13 cho thấy, tỷ lệ ẩn trong giai đoạn nghiên cứu vừa qua rất cao tương đương 63/161 tin, chiếm tỷ lệ 39,13% cụ thể cao nhất là năm 2014 chiếm tỷ lệ cao nhất là 45,45%, kể đến là năm 2018 chiếm tỷ lệ 42,86%; năm 2017 chiếm tỷ lệ 40%.

Thứ hai, Bị hại hoặc gia đình người bị hại sau khi xảy ra sự việc bị CGTS không tố giác, báo tin cho các cơ quan có thẩm quyền. Và có những quan niệm cho rằng: số mình không may, bị xui, có thể mất của đi thay người, thực tế khi họ bị các đối tượng CGTS còn sống, an toàn tính mạng, tài sản là may lắm rồi.

Nguyên nhân từ bị hại, khi bị CGTS do sợ báo không tìm ra được thủ phạm, ngại mất thời gian, ảnh hưởng đến công việc nên không tố giác, báo tin đến các cơ quan có thẩm quyền biết để xác minh, thẩm tra, xử lý theo qui định của pháp luật dẫn đến tình trạng gây khó khăn cho các cơ quan trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn TP Đà Nẵng không nắm được diễn biến thực tế tình hình tội phạm, không xác định được số lượng, tính chất, đặc điểm hình sự, cơ cấu của tội phạm...

Thứ ba, Các cơ quan trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng còn hạn chế. Nhìn chung, trong những năm vừa qua các Cơ quan điều tra, VKSND, TAND TP Đà Nẵng đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ của mình và giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phối hợp để thu thập thông tin tội phạm về tội CGTS để điều tra, xử lý. Qua các vụ án, bị can đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố, VKSND và TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng xét xử đúng pháp luật, đúng tội, đúng người phạm tội trong thời gian quan. Chưa có trường hợp nào oan sai, so với thực tiễn thời gian này việc điều tra, xử lý chưa phát hiện vẫn còn tương đối (63 tin báo), cộng với số lượng vụ mà bị hại không trình báo, số lượng vụ tội phạm ẩn...thì

nhận thấy trong công tác đấu tranh, phòng, chống loại tội phạm này còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Thứ tư, thủ đoạn, phương thức hoạt động của tội phạm này rất liều lĩnh, manh động, tinh vi, xảo quyệt, trên địa bàn TP Đà Nẵng đa số tội phạm CGTS xảy ra có tính tổ chức, tính liên kết, kết cấu một cách chặt chẽ trước khi thực hiện hiện, có kế hoạch, vai trò cụ thể cho từng người phạm tội, hành vi thực hiện xảy ra bất ngờ, nhanh chóng, tẩu thoát, luôn đẩy bị hại vào tình huống bị động. Khi chiếm đoạt được tài sản thì việc cất giấu tài sản hay tiêu thụ thường ở nơi an toàn mà đối tượng chọn như ở tỉnh thành khác lân cận hoặc ở cách xa địa điểm thực hiện hành vi phạm tội. Phương tiện sử dụng đa số xe phân khối lớn, sau khi thực hiện thì tăng ga phóng xe rất nhanh, hầu hết là xe ngụy trang dùng phương tiện để thực hiện tội phạm CGTS.

Tiểu kết chương 1

Dựa trên kết quả việc nghiên cứu một cách tổng quan về tình hình tội CGTS và kế thừa các quan điểm, lý luận từ các nhà khoa học, nhà nghiên cứu luật học, tội phạm học về tình hình tội CGTS, đề tài luận văn đã hình thành khái niệm về tình hình tội CGTS. Thông qua nghiên cứu, phân tích động thái, cơ cấu, diễn biến, tính chất của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2015 đến hết tháng 6/2018 có thể rút ra một số kết luận như số vụ án và bị cáo liên quan đến tội CGTS trên địa bàn TP có sự biến động không ổn định qua các năm. Những đối tượng phạm tội CGTS chủ yếu có trình độ học vấn thấp; không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, có thu nhập thấp; đối tượng là nam giới chiếm tỷ lệ cao, đối tượng trong độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi chiếm đa số, như vậy để phòng ngừa tội CGTS đạt hiệu quả ngoài việc quản lý, giám sát những người có tiền án, tiền sự về tội CGTS, còn phải tập trung phát hiện, quản lý, giáo dục những đối tượng hình sự khác. Kết quả

nghiên cứu tình hình tội phạm này trên địa bàn TP Đà Nẵng giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018 cho thấy, tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có chiều hướng tăng dần, có qui mô, tính chất ngày càng nguy hiểm cho xã hội hơn, tội phạm ảm có tỷ lệ vẫn còn cao. Việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc Chương này là cơ sở khoa học để nghiên cứu sinh, đánh giá được tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng, từ đó kiến nghị các giải pháp phòng ngừa có hệ thống khoa học, trong công tác đấu tranh, phòng ngừa đối với tội phạm này trong thời gian tới đạt hiệu quả cao.

Chương 2

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Nhận thức chung về nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản

2.1.1. Khái niệm nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản

Ở thời kỳ, giai đoạn khác nhau, trong từng chế độ xã hội có các quan điểm về sự chuyển hóa, phát triển và những hạn chế về tình hình tội phạm cũng khác nhau. Từ đó dẫn đến lý giải về nguyên nhân của tình hình tội phạm có nhiều cách khác nhau. Về bản chất, nguyên nhân, điều kiện không phải là một hiện tượng hay sự vật nào đó cụ thể mà nguyên nhân, điều kiện chỉ có thể là sự tác động qua lại giữa các hiện tượng sự vật nhất định trong khoảng thời gian gắn với tình hình tội phạm trên một địa bàn cụ thể. Điều kiện tuy không sinh ra kết quả của tình hình tội phạm, song tạo thuận lợi, hỗ trợ thúc đẩy sự tương tác giữa sự vật, hiện tượng để sinh ra kết quả [40, tr.28].

Nguyên nhân của tình hình tội phạm là sự tác động qua lại giữa những sự vật, hiện tượng xã hội tiêu cực sinh ra tình hình tội phạm trên một địa bàn và trong giai đoạn cụ thể như là hậu quả tất yếu của mình, còn những hiện tượng xã hội tiêu cực là điều kiện của tình hình tội phạm. Giữa các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bởi mặc dù các điều kiện không tự mình sinh ra được tội phạm nhưng nếu thiếu điều kiện thì nguyên nhân hoặc là không thể hình thành hoặc không thể thực hiện được [40].

Từ lý luận trên, trong phạm vi nghiên cứu của luận văn có thể hiểu “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS là sự tác động qua lại giữa các hiện tượng tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm - sinh*

lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong hoàn cảnh, tình huống nhất định làm phát sinh những hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS hiện hành quy định là tội CGTS”.

Với nhận định ở trên, cho phép đưa ra các vấn đề có sự liên quan giữa nguyên nhân, điều kiện của tội CGTS, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội CGTS tại địa bàn nhất định luôn có sự tác động qua lại với các mặt trái của xã hội thuộc môi trường sống của địa bàn đó và các yếu tố tiêu cực cá nhân – mặt trái xã hội trong những phạm vi nhất định, điều này đã đưa các đối tượng này tới hành vi phạm tội CGTS.

Thứ hai, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS là hai phạm trù, có vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả - tình hình tội CGTS trên một địa bàn và trong giai đoạn cụ thể. Sự phân biệt giữa chúng là hoàn toàn có thể. Tuy nhiên, vì nguyên nhân là sự tác động qua lại, cho nên điều kiện không thể không tham gia vào quá trình tương tác này. Do đó, khi nói nguyên nhân của tình hình tội cướp giật tài sản đã bao hàm trong đó cả điều kiện. Ngoài ra, trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đòi hỏi phải loại trừ cả hai vấn đề này để tránh hình thành nên những môi trường cho tội phạm nói chung và tội CGTS nói riêng trong tương lai.

Thứ ba, quan hệ giữa tình hình tội CGTS và tội CGTS vốn là quan hệ giữa “cái chung và cái riêng”. Vì thế, quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS với nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội CGTS cũng là quan hệ của cặp phạm trù “cái chung và cái riêng”. Chính vì thế, việc nghiên cứu, phân tích và đánh giá các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS gắn với địa bàn cụ thể hoàn toàn có thể dựa trên nguyên lý vận hành của cơ chế hình thành hành vi phạm tội CGTS. Bởi cái chung chỉ tồn tại trong những cái riêng.

2.1.2. *Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật*

tài sản Tội phạm học Việt nam phân chia nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm trên cơ sở các tiêu chí về cơ chế, mức độ tác động, nội dung tác động và bản chất của sự tôn trọng xã hội, có nghĩa đề tài luận văn tập trung nghiên cứu đi sâu vào phân tích cụ thể nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS [41], như sau:

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những mặt trái của nền kinh tế thị trường. Thực tế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta cho thấy, đối với những thành tựu của nền kinh tế thị trường đem lại cụ thể, vật chất và tinh thần, nhu cầu đời sống của người dân từng bước được nâng cao và cải thiện rõ rệt, thì mặt trái của nó cũng tác động không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Trong điều kiện kinh tế phát triển để kiếm tiền nhanh nhất thỏa mãn nhu cầu của mình, thể hiện cái “tôi” với bạn bè, xã hội, sử dụng đồng tiền để giải quyết..., vì vậy chỉ có đó CGTS của người khác là nhanh nhất. Kinh tế phát triển kéo theo nhiều tệ nạn xã hội xuất hiện, tỷ lệ người nghiện ma túy, nghiện games tăng... từ những hiện tượng trên là nguyên nhân, điều kiện quan trọng hình thành nguy cơ của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian tới.

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những hạn chế trong môi trường gia đình. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, các đối tượng phạm tội CGTS chủ yếu chịu sự tác động tiêu cực từ môi trường của gia đình như: Gia đình hạn chế hiểu biết, không ăn học, nhiều người trong gia đình đã vi phạm pháp luật; cấu trúc gia đình không hoàn hảo; Gia đình có điều kiện kinh tế khá giả nhưng phương pháp giáo dục con cái không đúng cách, quá khắt khe hoặc quá nuông chiều con cái tạo điều kiện hư hỏng hoặc ngược lại gia đình có điều kiện khó khăn, hoàn cảnh đặc biệt ...với tác động những điều kiện,

những tiêu cực đó cộng với việc túng thiếu hay đang cần nhu cầu về mặt tiêu cực...sẽ nảy sinh ý định thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có tội CGTS.

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những hạn chế trong môi trường nhà trường, học đường (môi trường giáo dục). TP Đà Nẵng trong thời gian quan là địa phương có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, có quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất cao, nhanh bậc nhất cả nước, bên cạnh có địa lý tự nhiên ưu đãi về phát triển du lịch. Vì vậy, với địa lý thuận lợi và cùng với sự phát triển đó, đã tạo thuận lợi cho nhiều nguồn về thành phố sinh sống, kinh doanh tạo ra sự đa dạng về văn hóa, phong tục truyền thống khác nhau, trình độ văn hóa, trình độ nhận thức khác nhau đã tạo ra một áp lực cho các nhà trường, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo trên địa bàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ chính những chủ thể phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Những yếu tố từ tiêu cực nhân thân người phạm tội phát sinh như quan điểm sống, giới tính, độ tuổi, kiến thức hiểu biết, trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp... tiêu cực trong lối sống, quan điểm cá nhân, những thiếu hiểu biết trong ý thức chấp hành pháp luật của học sinh, sinh viên cũng như người dân tác động qua lại cùng các yếu tố tiêu cực trong môi trường sống cụ thể làm phát sinh tội phạm trong đó có tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì thế, để có ý nghĩa, hiệu quả cao trong công tác phòng ngừa tình hình tội CGTS, phải làm rõ các nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ chính những chủ thể phạm tội CGTS.

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội của thành phố Đà Nẵng. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự trong một số lĩnh vực như quản lý cư trú, phương tiện, các ngành nghề kinh doanh tiểu thương và các

ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự có ý nghĩa rất lớn trong phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội CGTS nói riêng [29].

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hình sự. Những bất cập trong quy định của pháp luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan đến tội CGTS đã phần nào tác động gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng, tạo ra những sơ hở mà người phạm tội có thể lợi dụng để tiếp tục phạm tội, tạo tâm lý coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường sức khỏe, tài sản của người khác.

- Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tuy nhiên, thời gian gần đây các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa quan tâm đúng mức nên hiệu quả phòng ngừa chưa cao, có những đối tượng phạm tội CGTS còn ở ngoài xã hội chưa được phát hiện, xử lý trước pháp luật và khi gặp tình huống tiêu cực thuận lợi họ lại tiếp tục thực hiện hành vi CGTS [29].

2.2. Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Nguyên nhân, điều kiện trong lĩnh vực kinh tế

Trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian qua đã có sự phát triển mạnh về các lĩnh vực như đời sống xã hội, ngày càng nâng cao đời sống của người dân, các dịch vụ cũng phát triển theo. TP Đà Nẵng là khu vực trọng điểm kinh tế - xã hội và chính trị của khu vực Trung trung bộ với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao được xây dựng trên khắp các quận, huyện, là nơi tập trung của nhiều cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng... với hàng vạn sinh viên, học viên tốt nghiệp mỗi năm và phần lớn trong số đó đã ở lại Đà Nẵng để tìm cơ hội việc làm và phát triển sự nghiệp của mình. Vì vậy, số lượng người thất nghiệp, không có việc làm hoặc việc làm và thu nhập

không ổn định ngày càng gia tăng. Điều đó đã làm cho tình hình tội phạm nói chung và tội CGTS nói riêng trên địa bàn TP Đà Nẵng có những diễn biến phức tạp. Đề tài thực hiện nghiên cứu 272 bị cáo phạm tội CGTS được TAND các cấp thành phố Đà Nẵng xét xử cho thấy: 187 đối tượng không có nghề nghiệp (chiếm 68,75%); 72 đối tượng có nghề nghiệp nhưng không ổn định (chiếm 26,47%); 13 đối tượng có nghề nghiệp ổn định (chiếm 4,78%). Người không có việc làm đã thúc đẩy những người này thực hiện hành vi CGTS do muốn nhanh chóng có tiền để thỏa mãn những sở thích của họ và lúc này họ nảy sinh ý định CGTS là cách nhanh nhất kiếm tiền thỏa mãn nhu cầu của mình nhanh nhất.

Sự đô thị hóa và phát triển các khu công nghiệp tại địa bàn TP Đà Nẵng, có tốc độ phát triển nhanh, từ đó dẫn đến mặt trái của xã hội cũng không nhỏ. Kết quả phân tích, tổng hợp các nội dung từ 98 vụ án được xét xử về tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng với 272 bị cáo phạm tội thì có 223 bị cáo thực hiện hành vi CGTS nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân, như: Chơi games, mua ma túy để sử dụng..., chiếm tỷ lệ 81,98% [38].

Số đối tượng phạm về các tội ma túy và số người nghiện về các chất ma túy tại địa bàn TP Đà Nẵng cũng rất cao, trong đó các gia đình có kinh tế khá giả thường cho con cái sử dụng đồng tiền một cách tự do, không quản lý, những đứa trẻ này do có tiền một cách dễ dàng nên không biết được giá trị của đồng tiền, thường sử dụng nó để lấy “oai” với bạn bè và đến khi bố mẹ không còn điều kiện chu cấp hoặc siết chặt chi tiêu lại thì nguồn tiền tiêu sài bị hạn chế và do đã quen với cách tiêu tiền phung phí nên khi hết tiền, muốn có tiền để tiếp tục đáp ứng nhu cầu tiêu sài, cùng với những cảm dỗ và sự lôi kéo, kích động của các đối tượng xấu dễ dẫn đến việc phạm tội, trong đó có tội CGTS.

2.2.2. Nguyên nhân, điều kiện trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục

Thứ nhất, hành vi phạm tội CGTS do sự phát triển về hành vi bạo lực và các loại hình văn hóa độc hại. Vì lợi nhuận, các tiệm dịch vụ internet đã bất chấp các quy định của pháp luật để hoạt động, nhất là quy định về thời gian hoạt động, đã để cho những người thất nghiệp, thanh niên, học sinh cá biệt xem phim, chơi game online thâu đêm là một trong những nguyên nhân và điều kiện của nhiều tội phạm và tội CGTS cũng không nằm ngoài sự tác động của những yếu tố tiêu cực trên.

Thứ hai, là công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa được quan tâm đúng mức. Những năm qua, ý thức về tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, ngành giáo dục đã đưa nội dung này vào chương trình chính khóa ở cả ba cấp học. Ngoài lồng ghép vào một số bộ môn khác, các nội dung liên quan đến pháp luật được thể hiện rõ nhất ở 2 môn đạo đức và giáo dục công dân. Riêng các trường tiểu học có triển khai mô hình “trường học mới”, học sinh còn được tiếp cận với các vấn đề pháp luật thông qua môn giáo dục lối sống. Đối với học sinh bậc THPT, các kiến thức pháp luật quan trọng, gần gũi với cuộc sống được đưa vào chương trình bộ môn giáo dục công dân lớp 12. Trong đó, nội dung cơ bản giúp các em hiểu và nhận thức rõ về pháp luật và đời sống, pháp luật với sự phát triển của đất nước, công dân với các quyền tự do cơ bản,...

Thứ ba, Việc mất cảnh giác và ý thức tích cực trong công tác phòng ngừa tội phạm của người dân chưa cao. Qua tham khảo 98 vụ án về tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng cho thấy, có 106 bị hại, thì số bị hại này rất sơ hờ trong việc quản lý, cất giữ tài sản khi sử dụng phương tiện (xe máy, xe đạp) bị các đối tượng thực hiện hành vi cướp giật là 66 bị hại (62,26%); số bị hại mất cảnh giác ngồi ở những nơi vắng vẻ bị đối tượng cướp giật 24 bị hại (22,64%); ngoài ra còn có các bị hại 16 người trở thành nạn nhân do những

tình huống khác gồm 16 bị hại (15,09%). Đó là lý do tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng ngày càng gia tăng.

Thứ tư, là gia đình có vai trò rất quan trọng trong sự hình thành, phát triển nhân cách và đặc điểm tâm lý cá nhân của con người. Đối với trẻ từ nhỏ việc giáo dục và nuôi dưỡng để hình thành nên tích cách và tài năng là hai yếu tố then chốt quyết định, trong đó môi trường sống cũng rất quan trọng. Từ lúc còn trong bụng mẹ thì đã hình thành nên nhân cách con người cho đến lúc trưởng thành. Quá trình hình thành nhân cách của trẻ chủ yếu ở lứa tuổi ấu thơ. Nhân cách mặc dù chưa được thể hiện rõ ràng nhưng thông qua hành vi bất chước hành động của người lớn trẻ em bắt đầu tiếp nhận tất cả các tương tác nhân – sinh – quan để hình thành nhân cách của bản thân. Vị trí của cha mẹ là quan trọng nhất trong gia đình và đó cũng là chỗ dựa tốt nhất, là hạt nhân tâm sinh lý chủ đạo, là nguồn tình cảm đặc biệt hơn bao giờ hết đối với các con. Trong môi trường sống của gia đình, làng xóm, các phong tục tập quán của địa phương, các khía cạnh tự nhiên – sinh học, kinh tế-tâm lý đạo đức mà hằng ngày thường gặp cũng ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Bên cạnh đó, gia đình không thể chủ quan và thờ ơ đối với việc hình thành nhân cách của trẻ, đối với trẻ thì cách giáo dục không những bằng lời nói, bằng chữ viết mà song song với thực tiễn như cử chỉ hành động với các việc làm cụ thể và thiết thực, có ích cho gia đình và xã hội, quan trọng hơn là mặt đạo đức, lễ phép...

Các yếu tố tiêu cực thuộc về môi trường gia đình là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2013 đến tháng 6/2018, như sau:

- Gia đình có thành viên không gương mẫu, thường vi phạm pháp luật, vi phạm các chuẩn mực đạo đức

Quá trình nghiên cứu cho thấy các thành viên trong một gia đình, nhất là trẻ em nếu thường xuyên sống trong môi trường có ông bà, cha mẹ, anh, chị, em, người thân không gương mẫu, tham lam, ích kỉ, thường xuyên chứng kiến các hành vi vi phạm pháp luật như trộm cắp, cướp, cướp giật, đánh bạc, nghiện hút... đa phần khi lớn lên những đức tính, hành vi tiêu cực đó được hình thành trong nhân cách. Đối với họ dần dần các quan điểm lệch chuẩn, tiêu cực trong xã hội, ý thức chấp hành pháp luật không còn, về đạo đức, lời khuyên của người thân, gia đình, xã hội không còn giá trị, rồi coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, không có ý thức pháp luật và thường bắt chước các hành vi vi phạm pháp luật của những người thân trong gia đình từ đó sa ngã và đi vào con đường phạm tội, trong đó có tội CGTS.

- Gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn và không hoàn hảo.

Gia đình không hoàn hảo là những gia đình có bố mẹ không hạnh phúc như: ly hôn, ly thân; không chồng có con; đơn thân hoặc do điều kiện nào đó phải rời xa nhau làm cho con cái không có đủ mái ấm gia đình, thiếu sự chăm sóc dạy dỗ, mặt cảm khi bị bỏ rơi. Đây cũng là nguyên nhân phát sinh tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng có chiều hướng phức tạp.

- Cha mẹ có phương pháp giáo dục con cái không đúng cách

Đề tài thực hiện phân tích, đánh giá nghiên cứu 98 vụ án, với 272 bị cáo phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, kết quả cho thấy, có 176 bị cáo sống trong những gia đình thiếu sự quan tâm giáo dục, giáo dục không đúng cách của bố mẹ, chiếm tỷ lệ 64,71% [30]. Trong số 176 bị cáo bị xét xử về tội CGTS của TAND các cấp thành phố Đà Nẵng thì có bố mẹ giáo dục không đúng cách, có 42 bị cáo sống trong những gia đình bố mẹ quá nuông chiều con cái, chiếm tỷ lệ 15,44% [30].

Hành vi của tội phạm này, dựa vào kết quả đánh giá làm rõ thì có 176 bị cáo liên qua đến phương pháp giáo dục không đúng cách trong môi

trường sống của gia đình và 69 bị cáo cha mẹ do quá nghiêm khắc, chiếm tỷ lệ 39,72%.

Thứ năm, môi trường nhà trường, trong điều kiện kinh tế thị trường tác động, nhiều nhà trường bị thương mại hóa, giờ lên lớp thầy cô chỉ làm hết trách nhiệm trong giờ học, chưa dành thời gian cho việc tác động đến tình cảm, tâm tư, nguyện vọng, sở thích và đặc biệt chú ý đến sự thay đổi trong lối sống, suy nghĩ...để kịp thời có những phương pháp giáo dục đúng đắn và uốn nắn để các em không có những nguy cơ phát triển lệch lạc, nhất là khi tác động đến mặt trái của xã hội. Kỷ luật học đường của nhiều nhà trường không nghiêm; các môn học dạy về đạo đức, pháp luật, ý thức công dân không có giáo viên chuyên trách, học sinh không hứng thú học tập. Thậm chí có nơi cả Ban Giám hiệu, thầy và trò đều coi đó là “môn phụ” nên không đầu tư, dễ dãi cho qua chuyện. Tác động phong trào của số đông cá nhân thường thích khoe khoang hay luôn thể hiện mình là con của gia đình khá giả dẫn đến một số em có điều kiện khó khăn có sự phân biệt giàu nghèo và so sánh hơn thua... dẫn tới xu hướng hình thành lối sống coi trọng, sùng bái, chạy theo các giá trị vật chất, làm méo mó quá trình hình thành nhân cách của học sinh.

2.2.3. Nguyên nhân, điều kiện thuộc chủ thể phạm tội cướp giật tài sản và nạn nhân của tội phạm này

2.2.3.1. Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ những đặc điểm nhân thân tiêu cực của chủ thể phạm tội cướp giật tài sản

Nhân thân người phạm tội này dựa vào tổng hợp được tất cả các đặc điểm, dấu hiệu của con người thông qua bản chất xã hội, đồng thời kết hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể đã dẫn đến người đó thực hiện hành vi CGTS được quy định trong Bộ luật hình sự.

Từ cơ cấu tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã thống kê ở chương 1, có thể đưa ra một số đặc điểm nhân thân đặc trưng, điển hình

của các bị cáo có hành vi CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng giai đoạn từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 như sau [30]:

Đa phần người phạm tội CGTS được TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng thực hiện xét xử là nam giới (chiếm tỷ lệ 96,15% tổng số người phạm tội).

Độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, chiếm tỷ lệ 74,63% số tội phạm về CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời gian qua.

Đa số người phạm tội CGTS có trình độ văn hóa thấp, lười lao động, thích hưởng thụ và coi thường sức khỏe, tài sản của người khác (trong tổng số 272 bị cáo phạm tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng, số đối tượng có trình độ tiểu học và trung học cơ sở chiếm đến 40,80% và trung học phổ thông là 49,63%, số đối tượng không có nghề và nghề nghiệp không ổn định chiếm tỷ lệ 95,22% [30]. Bên cạnh đó, đa số những đối tượng nghiện ma túy, nghiện chơi games là người phạm tội về tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng.

2.2.3.2. Sai lệch trong lối sống, sở thích cá nhân

Các đối tượng phạm tội về CGTS hầu hết đều có lối sống thiếu lành mạnh, buông thả, những sở thích không được định hướng tốt, họ thường dành thời gian cho việc tụ tập bạn bè xấu để ăn nhậu, tiệc thâu đêm, sử dụng ma túy, chơi game online, trò chơi cảm giác mạnh trên địa bàn TP Đà Nẵng. Chính vì vậy, một trong những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua. Trong nhịp sống hiện đại, một bộ phận thanh thiếu niên đã sống gấp, sống lệch lạc rồi sa chân vào chốn tội đồ. Nhiều thanh niên đã đánh mất mình vào những cuộc chơi thâu đêm suốt sáng, bỏ học sớm, quan hệ tình dục, sử dụng thuốc lắc... Tâm lý học đòi và bị bạn bè rủ rê lôi kéo đã khiến số lượng thanh thiếu niên sa chân vào lối sống buông thả ngày càng nhiều, gây nên bao hệ lụy đau lòng cho gia đình và xã hội. Với lối sống bất cần, buông thả, rất nhiều chàng trai, cô gái trẻ

(trong đó có cả sinh viên và những thanh thiếu niên bỏ học sớm) đã dần mất mình và tham gia vào các hành vi phạm tội như CGTS... Chính vì vậy, đây cũng là một trong những nguyên nhân và điều kiện quan trọng của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian qua [30] [38].

2.2.3.4. Trình độ học vấn thấp dẫn đến những hạn chế về ý thức pháp luật.

Nhìn ở khía cạnh khoa học luật học, đối với ý thức pháp luật là tổng hòa các học thuyết, và tư tưởng, các tình cảm, quan niệm, cách xử sự, các mối qua hệ xã hội, quan hệ pháp luật của con người, trong các tổ chức xã hội, hoàn cảnh môi trường sống, môi trường pháp luật và trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Hiện nay, đại đa số nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, vật chất đời sống càng được nâng cao, trình độ tri thức và hiểu biết trong quan hệ xã hội, am hiểu về pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật ngày càng nâng lên rõ rệt và đây là điều không thể phủ nhận. Họ đã tiếp thu khá nhiệt tình, tích cực sự tuyên truyền pháp luật từ phía các cơ quan, ban ngành cũng như hưởng ứng nhiệt tình các cuộc vận động pháp luật. Vì vậy, họ đã nhận thức sâu sắc hơn hành vi của mình để có thể thực hiện tốt hơn những quy định của pháp luật. Tuy vậy, bên cạnh đó ý thức pháp luật trong nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế. Kiến thức pháp luật của nhân dân, đặc biệt những vùng như huyện Hòa Vang hay tầng lớp lao động phổ thông trên địa bàn thành phố còn rất thấp và phổ biến trong cuộc sống. Điều đáng cảnh báo là số người vi phạm pháp luật về sở hữu nói chung và CGTS có xu hướng tăng lên. Hiện nay, ở Đà Nẵng một bộ phận thanh thiếu niên trình độ văn hoá nói chung, trình độ nhận thức pháp luật cũng như ý thức pháp luật rất thấp. Số vụ vi phạm pháp luật ở tuổi vị thành niên ngày càng tăng và phức tạp hơn... Ở nhiều địa bàn của thành phố hiện tượng thanh thiếu niên bỏ học, bỏ nhà đi lang thang, ăn chơi sa đoạ dẫn đến phạm pháp với các hành vi: cướp của, trộm cắp... trở thành nỗi lo ngại cho gia đình và xã hội. Tất cả những điều đó

đã và đang giáng một tiếng chuông cảnh báo về tình trạng vi phạm pháp luật hiện nay ở Đà Nẵng.

Những hạn chế về ý thức pháp luật của nhân dân xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trình độ nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế, trình độ dân trí phân bố không đồng đều, chú ý hơn là những khu dân cư có trình độ thấp, có nhiều lao động phổ thông. Công tác tuyên truyền pháp luật trong quần chúng chưa toàn diện, chưa sâu rộng và chưa hiệu quả. Bên cạnh đó, những hành động, việc làm của mình sai trái, vi phạm pháp luật mà họ vẫn không biết, cũng có những cá nhân vì động cơ, mục đích cho mình mà cố tình vi phạm. Ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác như những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, sự tác động của tư tưởng, tâm lý xã hội tiêu cực, lạc hậu...

2.2.3.5. *Nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ lợi ích, nhu cầu, sở thích chính nhân thân của tội phạm này*

Người phạm tội có nhận thức lệch lạc về nhu cầu cá nhân và cách thức thỏa mãn nhu cầu đó.

Bị can phạm tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy, nhu cầu chủ yếu của họ chính là tiền bạc dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân với các mục đích khác nhau: mua sắm, chơi game online, cá độ, đi bar, vũ trường, sử dụng ma túy... Có đến 73% các đối tượng phạm tội trên địa bàn thành phố đã từng lấy trộm tiền của gia đình, người thân, bạn bè, người quen... để tiêu xài trước khi phạm tội CGTS. Đây chính là nguyên nhân quan trọng hàng đầu dẫn đến hình thành ý định phạm tội nhanh chóng, mà phổ biến nhất là trộm cắp, cướp hoặc CGTS.

Đối tượng phạm tội có nhân thân xấu, tiền án, tiền sự, lối sống không lành mạnh, có quan hệ với thành phần xấu, có thói ăn quen nhin không quen. Hầu hết các bị can phạm tội này ngoài những tiêu cực cá nhân trên thì còn

thường xuyên xem các văn hóa phẩm đồi trụy, kích động bạo lực. Việc tham gia vào các hoạt động phong trào và tìm hiểu qua sách báo... và các hoạt động xã hội khác là không nhưng lại tích cực tham gia vào các nhóm xã hội tiêu cực và có quan hệ quen biết, chơi bời với các đối tượng xấu ngoài xã hội. Một bộ phận không nhỏ người phạm tội CGTS ở thành phố Đà Nẵng là người nghiện hoặc có thói quen sử dụng chất gây nghiện, đặc biệt là ma túy tổng hợp (thuốc lắc, ma túy đá...), để đáp ứng cho nhu cầu đó thì họ kiếm tiền tiêu xài nhanh nhất chỉ có cách đi cướp giật, trộm cắp tài sản....

Người phạm tội lười lao động, không có việc làm: Kết quả khảo sát cho thấy đa số các đối tượng phạm tội CGTS thích ăn xài nhưng lười lao động, không có việc làm hoặc có việc làm nhưng đã bị đuổi việc do lười nhác, không đáp ứng nhu cầu công việc.

Người phạm tội có những nét tâm lý tiêu cực trong nhân cách: Hầu hết các đối tượng này có suy nghĩ thực dụng, tôn sùng vật chất, coi trọng tiền bạc. Ngoài ra, đa số họ đều ăn nói thiếu lễ phép, hay gây gỗ, đánh nhau và nhiều lần vi phạm luật giao thông và các quy tắc công cộng khác.

2.2.3.6. Nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ chính nhân thân của tội phạm này

Do chủ quan về mặt ý thức, việc quản lý tài sản và nhu cầu lợi ích, môi trường sống của chính nạn nhân.

Nạn nhân có lối sống, sở thích ăn mặc muốn thể hiện về nhu cầu kinh tế của mình như đeo các đồ trang sức, các túi xách có nhiều tài sản có giá trị bên trong...từ đó tạo điều kiện cho nhân thân người phạm tội thực hiện.

2.2.4. Nguyên nhân, điều kiện trong lĩnh vực tổ chức và quản lý

2.2.4.1. Những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực quản lý cư trú, quản lý phương tiện

Địa bàn TP Đà Nẵng là khu vực đô thị hóa và phát triển kinh tế có tốc độ rất cao với nhiều lĩnh vực giải trí, khu du lịch nổi tiếng, hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thúc đẩy kinh tế phát triển, và đặc biệt, Đà Nẵng cũng tập trung nhiều cơ sở giáo dục Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề và các trường học... Chính những điều này, đã thu hút một lượng lớn người dân di cư, lao động làm việc và sinh viên từ các địa phương khác đến để học tập, công tác, tìm kiếm cơ hội làm việc, du lịch và khám phá... Các đối tượng này thường không làm tạm trú tạm vắng theo quy định nên việc quản lý cư trú thường khó khăn. Bên cạnh đó, do mật độ dân số đông với nhiều con đường nối thông nhau nên việc quản lý dân cư tại nơi cư trú cũng khó khăn. Bên cạnh đó, do sự quản lý tài sản cá nhân của người dân tại địa bàn cũng chưa được quan tâm đúng mức khi để các phương tiện và tài sản ở khu vực dễ dàng bị cướp. Điều này cũng phần nào lý giải tội CGTS tập trung nhiều ở các TP lớn với các trung tâm tài chính, dịch vụ, du lịch, quan hệ quốc tế như TP Đà Nẵng.

2.2.4.2. Những hạn chế, yếu kém trong quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

Bên cạnh điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, trong những năm qua tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có những diễn biến phức tạp liên quan đến hoạt động của các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự. Trong đó, nổi lên các hoạt động lợi dụng cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT để thực hiện hành vi vi phạm phạm luật như: Thuê khách sạn, nhà nghỉ để hoạt động mại dâm, tổ chức đánh bạc, sử dụng trái phép chất ma túy; tham gia vào các tệ nạn xã hội ở các vũ trường, quán bar, karaoke; đặc biệt, một số đối tượng lợi dụng hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ để tiêu thụ tài sản do phạm tội CGTS mà có, cho vay nặng lãi, siết nợ, đòi nợ thuê, bắt giữ người trái pháp luật, hoạt động theo kiểu

bằng, nhóm sử dụng vũ khí nóng và các loại hung khí nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn và tranh chấp địa bàn...

Diễn biến hoạt động của tội phạm liên quan đến các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn Đà Nẵng ngày càng phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn mới đòi hỏi lực lượng Công an phải triển khai, thực hiện nghiêm các mặt công tác quản lý để kiềm chế sự gia tăng tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐCP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành... nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trong công tác này.

Thời gian qua, Công an thành phố Đà Nẵng được giao chức năng quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh, ngành nghề có điều kiện và đã tích cực chỉ đạo triển khai các quy định của Nhà nước liên quan đến quản lý các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự. Ngành Công an cũng đã quan tâm cải cách hành chính trong công tác cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự. Công tác thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa các nguy cơ về an ninh trật tự, gắn với xử lý vi phạm để đảm bảo răn đe. Tham khảo 98 vụ án (bản án) về tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng, các vụ án được xét xử trong đó cướp giật tài sản là điện thoại di động có 32 vụ (32,65%); cướp giật tài sản là trang sức là 26 vụ (26,53%). [30] [38]

2.2.5. Nguyên nhân, điều kiện trong lĩnh vực pháp luật và thực thi pháp luật của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Mặc dù BLHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua và sửa đổi bổ sung năm 2017, nhưng do luận văn được nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018. Thì không tránh khỏi, một số bất cập, hạn chế và vướng mắc trong các quy định của BLHS năm 1999 đã có những tác động

hạn chế, tiêu cực đến phòng, chống tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng thời gian qua. Điều này cũng lý giải cho việc trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến hết tháng 6/2018 TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng đã đình chỉ 4 vụ với 9 bị cáo; tạm đình chỉ 2 vụ với 4 bị cáo. Mặc dù số lượng này so với tổng số vụ đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ rất nhỏ, tuy do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng trong đó có sự thụ động, sự thiếu sót, trách nhiệm chưa cao của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong việc thu thập tài liệu đánh giá chứng cứ và kiểm soát vụ án do mình thụ lý.

Kinh nghiệm xây dựng pháp luật về các loại tội phạm liên quan đến CGTS của chúng ta còn phần hạn chế, năng lực dự báo và nắm bắt tình hình tội CGTS tiến triển của các nhà làm Luật còn yếu.

Việc thống kê về số lượng tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng còn hạn chế về số liệu, tính chính xác chưa cao, một phần là do thời gian thống kê không đồng nhất, một số cán bộ trong bộ phận thống kê còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ... dẫn đến sai sót số liệu về tội phạm CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Chính vì vậy làm ảnh hưởng đến việc đánh giá tình hình tội phạm này không chính xác.

Các biện pháp phòng chống tội phạm cướp giật tài sản của người dân Đà Nẵng trên đường đường phố, các tuyến giao thông đường bộ không đạt hiệu quả cao. Vì thế, các cơ quan tiến hành tố tụng không đánh giá được hết tình hình tội CGTS để đưa ra các văn bản pháp luật phù hợp. Từ những hạn chế này dẫn đến nhiều khó khăn vướng mắc khi giải quyết, đồng thời làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phòng chống tội CGTS. Trong công tác quản lý Nhà nước còn lỏng lẻo, chưa đảm bảo việc kiểm soát tình hình đối tượng, các dịch vụ kinh doanh, để từ đó đối tượng phạm tội này lợi dụng thực hiện và ẩn nấp, trốn tránh.

Tiểu kết chương 2

Tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là kết quả của sự kết hợp của các yếu tố tiêu cực dẫn đến tội phạm CGTS phát sinh. Những yếu tố này luôn tồn tại trong phạm vi nhất định của môi trường sống, hình thành trong người phạm tội và trong đó cũng có chính từ các bị hại của tội phạm này. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS có liên quan đến các nhóm chủ thể: Người phạm tội, người bị hại (nạn nhân), cơ quan Công an, VKSND, TAND và các cơ quan, tổ chức, đoàn thể có chức năng phòng ngừa tội CGTS. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng còn xuất phát từ những vấn đề của kinh tế, xuất phát từ những hạn chế trong môi trường gia đình, giáo dục; những hạn chế trong môi trường văn hóa - xã hội... Việc xác định rõ các nguyên nhân và điều kiện của tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sẽ giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các lực lượng công an... dễ dàng nắm bắt tình hình và có những kế hoạch cụ thể, phù hợp và hiệu quả để thực hiện công tác phòng ngừa tình hình tội CGTS.

Chương 3

PHÒNG NGỪA TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Khái quát lý luận về phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

3.1.1. Khái quát lý luận phòng ngừa tội cướp giật tài sản

Theo Từ điển Luật học định nghĩa: “Phòng ngừa tội phạm là ngăn ngừa tội phạm và loại trừ các nguyên nhân phát sinh tội phạm bằng toàn bộ những biện pháp liên quan với nhau do cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội tiến hành”. [4, tr.132].

Quan điểm khoa học trong sách báo pháp lý một số nước đều thống nhất cho rằng: “Phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm...” hay “không để cho tội phạm gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, thủ tiêu nguyên nhân và kiểm soát được tội phạm, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật, đồng thời để cho người lầm lỗi trở thành những công dân có ích cho xã hội và cho cộng đồng cần có các biện pháp cải tạo, giáo dục người phạm tội thật tốt và hiệu quả”..

Theo tác giả Võ Khánh Vinh: “Phòng ngừa tình hình tội phạm là hệ thống nhiều mức độ và biện pháp mang tính chất Nhà nước, xã hội và Nhà nước - xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu; hạn chế) chúng và bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ tình hình tội phạm”. [41]

Trên cơ sở các quan niệm về phòng ngừa tình hình tội phạm, khái niệm về tội CGTS được trình bày tại chương 1 của luận văn, trong phạm vi luận văn có thể hiểu phòng ngừa tình hình tội CGTS là hoạt động của tất cả các cơ

quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội và cá nhân trong xã hội thực hiện áp dụng các biện pháp khác nhau phù hợp với đặc điểm của tổ chức, cá nhân nhằm loại trừ, triệt tiêu những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội CGTS, cũng như tăng cường loại bỏ các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình hình thành những tính cách, phẩm chất tiêu cực, từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội CGTS ra khỏi đời sống xã hội.

3.1.2. Chủ thể phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản

Tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội và mọi người dân đều là những chủ thể có trách nhiệm và quyền hạn phải tham gia công tác phòng ngừa tình hình tội phạm trong đó có tội phạm CGTS theo các cách thức riêng phù hợp với điều kiện của từng chủ thể. Mặt khác, tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, vị trí của từng chủ thể của từng đơn vị quản lý thuộc nhà nước để giao trách nhiệm, phân quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm CGTS, vì thế các văn bản pháp luật, các chiến lược phòng chống tội phạm cần phải xác định rõ vai trò, vị trí của từng lực lượng (chủ thể) tiến hành phòng ngừa tội phạm nói chung và CGTS nói riêng tốt hơn. Chính vì vậy, trong hoạt động phòng ngừa tội phạm phải phát huy mọi lực lượng của toàn xã hội nhất là các cơ quan chuyên môn, lực lượng nòng cốt, như, cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Viện kiểm sát, TAND... để phòng ngừa một hiện tượng xã hội như là tình hình tội phạm CGTS.

Vai trò phòng ngừa tội CGTS của các cơ quan ban ngành, tổ chức xã hội và cá nhân thể hiện như sau:

Một là, với vai trò là người tổ chức và lãnh đạo toàn diện các mặt của đời sống, Đảng Cộng sản Việt Nam được ghi nhận là chủ thể quan trọng của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tội CGTS nói riêng.

Hai là, hoạt động phòng ngừa tình hình tội CGTS chủ yếu do các Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các quận huyện thuộc Công an TP Đà Nẵng,

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng, VKSND cùng cấp và TAND cùng cấp.

Ba là, trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội CGTS, thì các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng cũng là chủ thể quan trọng trong việc thực hiện tốt các nội dung quản lý chuyên môn cũng như hành chính nhà nước về lĩnh vực tư pháp, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan điều tra, khởi tố và xét xử đúng người, đúng tội về tội CGTS.

Bốn là, Trong hoạt động phòng ngừa tội phạm này là trách nhiệm của các tổ chức xã hội và mọi công dân đồng thực hiện. Đưa ra các hoạt động thiết thực có tính hiệu quả, mang lại lợi ích cho họ..., từ đó họ làm từ bỏ hoặc không còn nghĩ đến sự mất cảm xã hội dần dần đưa họ trở lại cuộc sống hoàn lương.

Như vậy, chủ thể hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm là các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, từng cá nhân có trách nhiệm và quyền hạn hoạt động đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm nói chung và tội CGTS nói riêng.

3.1.3. Những biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản

Phòng ngừa tội CGTS thì cần phải có các biện pháp, giải pháp phòng ngừa phù hợp. Để nghiên cứu các biện pháp này, các nhà tội phạm học có nhiều cách tiếp cận theo những tiêu chí phân loại khác nhau, có thể nói đến những tiêu chí cơ bản dưới đây:

- Căn cứ vào thời điểm và sự tác động của các biện pháp phòng ngừa tội phạm này thì có hai loại biện pháp cơ bản để phòng ngừa tội CGTS:

Một là, Tăng cường vào việc kiểm chế, từ đó tiến đến dần dần đẩy lùi và thủ tiêu các hiện tượng tiêu cực của xã hội là nguyên nhân của tội phạm này.

Hai là, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử tội CGTS phải xử lý nghiêm minh các trường hợp phạm tội này và đề ra các kiến nghị ngăn chặn kịp thời

đối với người đã hoặc đang thực hiện tội phạm xảy ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào lĩnh vực của các biện pháp phòng ngừa tình hình tội CGTS thì có các biện pháp kinh tế - xã hội; văn hóa - giáo dục; chính trị - tư tưởng; tổ chức - quản lý và biện pháp pháp luật.

- Căn cứ vào mục đích, đặc trưng cơ bản của công tác phòng ngừa tình hình tội CGTS: đưa ra các kiến nghị, biện pháp thực hiện có hiệu quả và thiết thực nhất trong đó bao gồm biện pháp phòng ngừa chung và biện pháp phòng ngừa riêng đối với tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3.2. Dự báo và các giải pháp phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

3.2.1. Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới

3.2.1.1. Cơ sở để xây dựng dự báo

Hoạt động dự báo tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng trong xu hướng tới công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm (tội phạm CGTS) trên địa bàn TP Đà Nẵng có vị trí và ý nghĩa rất quan trọng. Những cơ sở khoa học giúp các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn thành phố Đà Nẵng dễ dàng hơn trong việc dự báo, định hướng các hoạt động tổ tụng cũng như tiếp nhận các thông tin chính xác hơn về tình hình tội CGTS, bao gồm:

Thứ nhất, với xu thế phát triển kinh tế thị trường kết hợp với các yếu tố về kinh tế, văn hóa - xã hội, toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0 trong những năm vừa qua, TP Đà Nẵng là địa phương có tiềm lực về phát triển dịch vụ du lịch và kinh tế quốc tế, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển, đảo và giao lưu với các nước trong khu vực và quốc tế với các ngành mũi nhọn như du lịch, thương mại, dịch vụ công nghiệp và nuôi trồng thủy sản...rất thuận lợi cho phát triển kinh tế và xã hội toàn diện. Từ lẽ đó, TP

Đà Nẵng là điểm đến thuận lợi để ẩn náu, hoạt động của tội phạm nói chung và tội phạm CGTS nói riêng. Về đời sống văn hóa - xã hội, mặc dù là địa phương có nền văn hóa phong phú lại được Đảng và Nhà nước quan tâm nhưng do yếu tố địa lý đặc thù là cửa ngõ quốc tế nên hoạt động giao lưu thường xuyên được diễn ra...

Thứ hai, Những đường lối, chủ trương, chính sách về kinh tế và pháp luật chưa thật sự đi vào đời sống, chưa đồng nhất, việc quản lý còn hạn chế từ đó làm kẻ hở để tội phạm hoạt động, mặt nhu cầu lợi ích một số bộ phận nhân dân chưa hợp lý đã làm cho họ có những tư tưởng chống đối. Đối với công tác phòng ngừa nghiệp vụ, công tác điều tra mở rộng án CGTS của các cơ quan tổ tụng chưa hiệu quả, mặt tích cực của nhân dân phối hợp với các lực lượng tham gia phòng chống tội CGTS chưa cao, vì vậy, hiệu quả công tác phòng, chống tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng còn hạn chế nhiều.

Thứ ba, Tội CGTS luôn diễn biến theo chiều hướng tăng và phức tạp hơn theo từng năm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các loại tội CGTS sẽ xảy ra nhiều ở quận Thanh Khê, Hải Châu, Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang vì những địa bàn này vẫn đang tồn tại nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát sinh tội phạm. Đối với tình hình tội CGTS trong giai đoạn nghiên cứu, có xu hướng phức tạp hơn, tính chất qui mô, tổ chức nguy hiểm hơn rất nhiều, tội phạm này thường là loại tội phạm rất nghiêm trọng thể hiện bản chất liều lĩnh, manh động, sẵn sàng chống trả quyết liệt. Dự báo trong thời gian đến đặc điểm nhân thân của người phạm tội phần lớn là: Người phạm tội CGTS vẫn là người có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi và giới tính nam chiếm đa số; học vấn thấp; đa số không nghề nghiệp, sống lang thang, cư trú không ổn định; cấu trúc gia đình không hoàn hảo, kinh tế khó khăn nhưng lại muốn có nhu cầu cuộc sống bản thân luôn muốn thể hiện mình ăn chơi...và động cơ, mục đích phạm tội là để thỏa mãn nhu cầu. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng tình hình

tội phạm đã xảy ra trên địa bàn TP Đà Nẵng trong giai đoạn 2013 đến hết tháng 6/2018 cho thấy, mặc dù hàng năm có chiều hướng giảm dần theo từng năm nhưng ngược lại các tội phạm xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội CGTS có năm tăng, năm giảm nhưng có cơ cấu phức tạp.

3.2.1.2. Nội dung dự báo

Tội phạm CGTS được xác định là một trong những tội phạm nguy hiểm, nghiêm trọng, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở các của dự báo thì đề tài có những phân tích về tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới như sau:

- Về số lượng và tính chất của tội CGTS. Tội phạm CGTS hiện nay có tính đồng phạm, tính tổ chức và chuyên nghiệp cao, thường hoạt động lưu động liên tuyến, địa bàn qua nhiều tỉnh-thành, có sự kết cấu, liên lạc chặt chẽ với nhau, đồng thời có thể thực hiện nhiều loại tội phạm khác nhau hay kết nối với các đối tượng phạm tội khác cùng thực hiện, đối với nhân thân là xấu, bên cạnh đó có những đối tượng cá biệt nằm ở độ tuổi vị thành niên, trẻ em.

- Về địa bàn và thời gian gây án. Cướp, cướp giết có thể xảy ra tại bất cứ đâu, kể cả ở trong nhà và không loại trừ ai. Hiện nay, các đối tượng cướp tài sản ngày càng liều lĩnh tấn công người dân để đạt bằng được mục đích. Nhiều vụ giết người thương tâm có phát sinh ban đầu từ những vụ việc cướp, cướp giết tài sản. Đặc biệt, các đối tượng cướp giết có xu hướng lập thành ổ nhóm, phân chia hoạt động để thực hiện trót lọt hành vi phạm tội.

- Về đối tượng gây án, dự báo thời gian đến nhân thân đối tượng gây án sẽ có chiều hướng trẻ hóa dần, phức tạp, đa dạng hơn. Các đối tượng phạm tội cướp, cướp giết tài sản đa số là những đối tượng lưu manh chuyên nghiệp, có nhiều lần phạm tội, đối tượng đang bị truy nã; các con nghiện, phần tử có nhân thân xấu côn đồ, hung hãn, tập trung ở độ tuổi thanh thiếu niên và hầu

hết là nam giới. Các đối tượng phạm tội cướp, cướp giật tài sản thường là các đối tượng có lối sống không lành mạnh, không có việc làm và là những đối tượng lười lao động. Số đối tượng là học sinh, sinh viên phạm tội cướp, cướp giật tài sản có xu hướng tăng, thường tập trung vào những trường hợp lười học, bỏ học, nghiện game online, nghiện ma túy... thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình, nhà trường.

- Về phương thức thủ đoạn. Các đối tượng thực hiện tội phạm này sẽ dự báo thời gian đến tình hình CGTS hết sức tinh vi, tinh quái, xảo nguyệt hơn, phương tiện, hình thức nguy trang rất đa dạng khó lường, đối tượng mạnh động liều lĩnh hơn nhiều, có trang bị công cụ, vũ khí để chống trả quyết liệt, việc hoạt động có khả năng di biến động hơn, trong khi công tác thu thập thông tin tài liệu chứng cứ lại càng khó khăn hơn.

- Xu hướng. Sẽ hoạt động theo băng ổ nhóm, có tổ chức kết cấu chặt chẽ, qui mô hơn...sẵn sàng sử dụng hung khí, vũ khí, chống trả để tẩu thoát.

- Về người bị hại: các đối tượng mà tội phạm hướng tới để thực hiện hành vi CGTS chủ yếu là phụ nữ khi có sơ hở trong quá trình đi lại trên đường hoặc ngồi tại các vị trí vắng vẻ.

3.2.2.Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản

3.2.2.1. Nhóm các giải pháp kinh tế

TP Đà Nẵng là một TP đầy tiềm năng để phát triển du lịch. Phía Bắc TP Đà Nẵng là núi cao với đèo Hải Vân. Phía Tây là khu du lịch Bà Nà Hills nằm ở độ cao trên 1000m với hệ thống cáp treo đạt kỷ lục thế giới. Phía Đông Bắc thành phố là Bán Đảo Sơn Trà với 400ha rừng nguyên sinh, đa dạng động thực vật. Phía Đông Nam thành phố là danh thắng Ngũ Hành Sơn với hệ thống các đình, chùa, miếu theo kiến trúc Á Đông. Đây chính là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch, ngành mà chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành kinh tế ở Đà Nẵng.

TP có đường bờ biển dài trên 91 km, có vùng lãnh hải lớn với ngư trường rộng trên 14 ngàn km². Biển Đà Nẵng có nhiều động vật biển phong phú với trên 266 giống loài, trong đó hải sản có giá trị kinh tế cao gồm 16 loài và tổng trữ lượng khoảng trên 1 triệu tấn hải sản các loại. Mỗi năm, TP Đà Nẵng có khả năng khai thác trên 165 – 225 ngàn tấn hải sản các loại. Đây là lợi thế phát triển ngành thủy hải sản, đánh bắt xa bờ...

Trong những năm qua, Đà Nẵng luôn nằm trong top dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Đã triển khai xây dựng chính quyền điện tử, cổng thông tin điện tử, cổng giao tiếp thương mại điện tử của thành phố hiện đại, quảng bá hình ảnh, tạo mọi điều kiện thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư để phát triển. Mạng lưới bưu chính viễn thông của thành phố Đà Nẵng đạt trên mức bình quân tiên tiến với 06 mạng điện thoại di động hiện có trên địa bàn và hệ thống trục cáp quang biển quốc tế cập bờ. Hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng được mở rộng và phát triển với hơn 100 chi nhánh, tổ chức tín dụng và 232 điểm giao dịch tạo nên sự đa dạng về loại hình, giúp các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ phổ biến này.

Định hướng phát triển kinh tế thành phố đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX, trong đó, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực với mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở chú trọng nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ và tỷ trọng hàm lượng kỹ thuật, công nghệ trong các ngành sản xuất. Trên cơ sở xem xét sự phát triển của một số ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2010 - 2015 và nhìn nhận những thành quả bước đầu của giai đoạn 2015 – 2020. Thành phố đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách phù hợp về cải cách hành chính, hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt Đà Nẵng là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong việc đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế và mẫu dấu... Ngoài

ra, thành phố đã tích cực huy động và tranh thủ vốn đầu tư từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) và thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, thủ tục hành chính, các ưu đãi đầu tư... nhằm khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích về phát triển kinh tế đã đạt được thì TP Đà Nẵng cũng có nền kinh tế phát triển mở với nhiều những tiềm ẩn về các loại tội phạm. Bên cạnh đó, kinh tế phát triển, đời sống vật chất ngày càng được cải thiện, nhiều gia đình muốn thể hiện sự giàu có đó thông qua việc trưng diện các đồ vật trang sức, điện thoại đắt tiền nhưng không có cách bảo quản tư trang vật dụng của chính mình, vô tình đã tạo nên điều kiện thuận lợi cho các đối tượng hoạt động phạm tội, từ đó hình thành nên tội CGTS.

Để đạt được mục đích đó, phải có sự vào cuộc quyết liệt từ các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, ban ngành trên địa bàn TP Đà Nẵng phải đồng bộ thực hiện những nội dung sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế TP Đà Nẵng, việc phát triển kinh tế phải bền vững, luôn coi vai trò trung tâm trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tiếp tục trở thành trung tâm tài chính, kinh tế, thương mại lớn của khu vực và của cả nước. Có thể đánh giá, đây là một định hướng phù hợp với tiềm năng, lợi thế cũng như khả năng và vai trò của thành phố. Tỷ trọng đóng góp của ngành trong GRDP luôn chiếm trên 50%, giá trị sản xuất dịch vụ ước tăng bình quân 12%/năm, ước năm 2020 gấp 1,5 lần năm 2015. Ngành dịch vụ đã được phát triển theo hướng hiện đại và đa dạng; mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động và hội nhập quốc tế; tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân, trong đó dịch vụ du lịch đang dần khẳng định vai trò mũi nhọn trong nền kinh tế, trong khi dịch vụ logistics cho thấy thế mạnh tiềm năng thành phố trong

tương lai. Kết quả phát triển kinh tế bền vững sẽ giúp ổn định xã hội, qua đó thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bình đẳng xã hội và giảm sự chênh lệch giữa các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng góp phần hạn chế tội phạm CGTS. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu TP theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có nhiều giá trị và các ngành công nghiệp hiện đại, có hàm lượng công nghệ cao.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định, cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển đổi tích cực, theo hướng giảm dần tỷ trọng các ngành sản xuất tiêu hao nhiều năng lượng, ô nhiễm môi trường, giá trị gia tăng thấp và tăng tỷ trọng các ngành sử dụng công nghệ cao, hiện đại, giá trị gia tăng cao. Công nghiệp chế biến tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp và hỗ trợ từng bước phát triển, sản xuất toàn ngành chiếm hơn 27% giá trị. Một số doanh nghiệp đã có các dự án lớn được triển khai hoạt động, góp phần hình thành các sản phẩm mới, tạo giá trị gia tăng cao, cải thiện tăng trưởng công nghiệp, từng bước tìm kiếm, hình thành sản phẩm công nghiệp chủ lực. Giai đoạn này cũng ghi nhận bước đầu hình thành chuỗi sản xuất các sản phẩm công nghiệp phụ trợ. Đến năm 2020, có khoảng hơn 80 dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ như sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử, phụ tùng ô tô, các phụ liệu ngành may, bao bì thực phẩm, vỏ lon... với tổng vốn đầu tư đạt hơn 720 triệu USD, chiếm 25,8% tổng vốn FDI tại Đà Nẵng. Công nghiệp công nghệ thông tin (CNTT) dần trở thành ngành công nghiệp quan trọng, với 8 doanh nghiệp, tổ chức hiện đang hoạt động; ngoài Khu công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu Công viên phần mềm FPT Đà Nẵng cũng được đưa vào sử dụng khá hiệu quả. Với các kết quả đạt được, định hướng của thành phố về phát triển ngành công nghiệp tiếp tục là chú trọng phát triển công nghệ cơ khí, điện, điện tử, công nghiệp hỗ trợ... Hướng đi này phát huy hiệu quả lợi thế về hạ tầng với 06 khu công nghiệp, Khu Công nghệ thông tin tập trung, Khu

Công nghệ cao, vai trò trung tâm của thành phố Đà Nẵng ở khu vực miền Trung và là một trong ba trung tâm lớn của cả nước.

Cũng như các tỉnh/thành phố trên cả nước nói chung và miền Trung nói riêng, thị trường lao động Đà Nẵng nhìn chung chưa phát triển. Việc phát triển nguồn nhân lực phải chú trọng theo hướng giải quyết những vấn đề đang đặt ra của thành phố, đáp ứng nhu cầu thực sự của doanh nghiệp và định hướng phát triển lâu dài của thành phố. Theo đó cần:

- Nguồn nhân lực chất lượng cao cần phải tiếp tục phát triển mạnh, nhất là cán bộ khoa học công nghệ và quản lý đầu tàu.
- Xây dựng và triển khai các đề án phát triển nguồn nhân lực cho khối ngoài nhà nước, chú ý cho đội ngũ doanh nhân
- Chú trọng phát triển dạy nghề và gắn kết quả đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề, trình độ.
- Kinh doanh, phát triển thị trường lao động lành mạnh đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải đáp ứng đủ về số lượng, trình độ và nguồn nhân lực.
- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thể chế thị trường lao động, tạo khung pháp lý phù hợp kích thích thị trường lao động phát triển, xây dựng cơ chế bảo đảm đối xử bình đẳng giữa người sử dụng lao động với người lao động; ưu tiên phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với điều kiện kinh tế của từng tỉnh, thành để nhanh chóng tạo ra việc làm và khả năng thu hút lao động giải quyết việc làm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mở rộng và phát triển thị trường lao động ra nước ngoài; thực hiện có hiệu quả công tác hướng nghiệp, mở rộng và nâng cấp hệ thống dạy nghề cho người lao động đặc biệt quan tâm khu vực tái định cư, khu vực nông thôn, nơi người lao động bị thu hồi ruộng đất xây dựng các khu công nghiệp như Hòa Vang, một phần của quận Cẩm

Lệ, quận Ngũ Hành Sơn; đa dạng hóa các loại hình thị trường, các trường dạy nghề đáp ứng nguồn nhân lực cho khu vực.

3.2.2.2. Nhóm các giải pháp văn hóa, giáo dục

(1) Các giải pháp khắc phục những hạn chế trong môi trường gia đình

Sự hình thành và giáo dục nhân cách của con người trong môi trường gia đình là môi trường quan trọng. Những hạn chế trong môi trường gia đình hiện đại ngày nay như: Mâu thuẫn, xung đột gia đình mà đỉnh điểm là bạo lực gia đình nghiêm trọng, trong đó nổi bật nhất là bạo lực của người chồng đối với người vợ và bạo lực của cha mẹ đối với con cái. Những trẻ em sinh ra và lớn lên trong các gia đình thường xuyên phải chứng kiến hành vi bạo lực của cha đối với mẹ, những cảnh mắng chửi nhau giữa các thành viên gia đình, những lần bị đòn roi từ cha mẹ, cũng có xu hướng áp dụng các hành vi bạo lực đối với người khác trong tương lai. Nhất là các vụ ly hôn có con nhỏ, nếu bố mẹ xử sự sau ly hôn không khéo léo và thiếu tế nhị thì các cháu cũng là người chịu rủi ro nhiều hơn trong cuộc sống, cá biệt cũng dễ bị rơi vào những hành vi lệch lạc trong tương lai.

Đối với sự hội nhập quốc tế và kinh tế thị trường hiện nay, do cuộc sống mưu sinh, nên các bậc cha mẹ không có sự quan tâm đúng mực đến con cái cho dù vẫn đang ở trong một gia đình, dẫn đến nhiều gia đình khá bất ổn. Vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ người cha và người mẹ không dành thời gian để chăm sóc con cái. Không ít trẻ em trong các gia đình không được cha mẹ quan tâm đã bỏ học, đi lang thang bụi đời, để cuối cùng rơi vào vòng xoáy của các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, cướp giật, mại dâm, trộm cắp,... gần đây nhất nhiều cháu gái nhỏ bị xâm hại rất thương tâm. Chính vì vậy, cần có những giải pháp thích hợp nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ phía môi trường gia đình có thể ảnh hưởng đến tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng:

Các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể cũng như toàn xã hội và mỗi gia đình cần nhận thức đầy đủ hơn vai trò quan trọng của gia đình đối với sự phát triển xã hội nói chung, đồng thời đối với việc giáo dục con cái và xây dựng nguồn nhân lực cho xã hội mai sau. Những chính sách kinh tế - xã hội phải hướng tới đời sống gia đình. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về gia đình. Có những hỗ trợ cần thiết để gia đình có thể làm tốt các chức năng của mình, nhất là chức năng tâm lý - tình cảm và chức năng giáo dục, chăm sóc.

Các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư cần có những hành động cụ thể làm cho Ngày Gia đình Việt Nam thật sự trở thành một sinh hoạt văn hóa cộng đồng lành mạnh, giáo dục, động viên mọi người thể hiện tình thương yêu và trách nhiệm đối với gia đình của mình, đồng thời thể hiện trách nhiệm đối với tương lai của đất nước, dân tộc. Ngày Gia đình Việt Nam 28-6 cần phải trở thành mốc quan trọng trong năm để mỗi người con hướng về cội nguồn, hướng về những người thân yêu và luôn vun đắp cho gia đình những tình cảm thân thương và thiêng liêng nhất.

Để thực hiện được yêu cầu đó, cần chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền về gia đình và giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, nâng cao hiệu quả giáo dục nhân cách cho thế hệ tương lai của đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trong gia đình và xây dựng nhiều hơn các mô hình gia đình gương mẫu trong đạo đức, lối sống và nuôi dạy con cháu điển hình. Các bậc cha mẹ cần dành thời gian quan tâm hơn đến con cái và tăng cường giáo dục con em về mối quan hệ tình cảm gắn kết các thành viên, tạo điều kiện cho các em phát triển một cách tốt nhất trong môi trường gia đình. Tăng cường các nghiên cứu cơ bản và đánh giá, tổng kết các kết quả thực hiện các chính sách liên quan đến gia đình, đồng thời cân đối

nguồn lực để tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

Gia đình luôn được xác định “là tế bào của xã hội”. Vì vậy, một thực tế rất rõ, ai cũng nhận thấy là hầu như mọi vấn đề của gia đình ngày nay đều là những vấn đề của xã hội với mức độ khác nhau. Như bước vào thời kỳ kinh tế thị trường và hội nhập, đời sống xã hội có nhiều thay đổi, có mặt tích cực như bên cạnh những gia đình vẫn duy trì mái ấm gia đình nhiều thế hệ, đã xuất hiện nhiều gia đình khá giả sống độc lập theo xu hướng hiện đại, văn minh, con cái phát triển khá toàn diện. Bên cạnh đó, cũng có những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến gia đình khá nhanh, những hiện tượng như nền nếp gia phong bị xem nhẹ, nhiều giá trị văn hóa gia đình truyền thống có bị mai một, yếu tố thực dụng gia tăng, cũng như nhiều tệ nạn xã hội đang tiếp tục xâm nhập vào các gia đình, đặc biệt là lớp trẻ.

Chính vì thế, quan tâm củng cố, ổn định và xây dựng gia đình, chính là để xóa bỏ những khó khăn và thách thức đang làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự phát triển. Giải quyết tốt các vấn đề của gia đình, là giải quyết tốt các vấn đề xã hội, là cơ sở, điều kiện để mỗi gia đình - một tế bào bền vững và cũng là “tổ ấm” thật sự của mỗi thành viên và là môi trường chắc chắn tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho đất nước để có được những đóng góp, nỗ lực cao nhất cho mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

(2) Các giải pháp khắc phục những hạn chế trong môi trường giáo dục của nhà trường

Ngoài khía cạnh môi trường gia đình thì môi trường nhà trường làm tốt nhiệm vụ của mình là đào tạo được những con người, hình thành và phát triển nhân cách của họ, có đủ phẩm chất đạo đức, lành mạnh trong lối sống, lý tưởng, mục đích và ý chí sống cao, có đủ kỹ năng và kiến thức để sống có ích

cho gia đình và xã hội. Qua khảo sát 98 bản án CGTS với 272 bị cáo cho thấy trình độ học vấn của người phạm tội CGTS chủ yếu học hết cấp 3.

Tham mưu cho các cơ quan có liên quan đề ra các giải pháp nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của nhà trường trong công tác phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội CGTS. Nhà trường cần tổ chức các biện pháp quản lý khoa học, chặt chẽ đối với học sinh. Làm tốt công tác này sẽ tạo điều kiện cho các em chấp hành kỷ luật với ý thức từ thấp đến cao, tạo thành ý thức tự giác cho các em ngay từ khi còn nhỏ, giúp các em hình thành thói quen, chấp hành nghiêm nội quy của nhà trường. Bên cạnh đó, cần nâng cao vai trò, trách nhiệm của các thầy, cô giáo trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh. Hình ảnh của các thầy, cô giáo có ảnh hưởng, tác động rất lớn đến sự hình thành nhân cách, trạng thái tâm lý của học sinh. Ngoài

3.2.2.3. Nhóm các giải pháp tổ chức quản lý nhà nước

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nơi cư trú, tạm trú, tạm vắng: xem đây là công tác thường xuyên, liên tục nhằm phục vụ cho công tác phòng chống tội phạm tại địa bàn quản lý. Thông qua công tác đăng ký quản lý cư trú trên địa bàn vừa phục vụ nhiệm vụ kinh tế xã hội, vừa đảm bảo an ninh trật tự vì thông qua công tác quản lý, đăng ký nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý cư trú, tạm trú giúp lực lượng công an nắm được đầy đủ thông tin về lai lịch, nhân thân của người đăng ký, điều này sẽ phục vụ tốt công tác đấu tranh chống tội phạm cũng như phòng ngừa tình hình tội phạm xảy ra. Bên cạnh đó, TP Đà Nẵng cũng cần có biện pháp quản lý cư trú đối với những người dân di cư, lao động di cư và sinh viên từ nơi khác đến học tập và làm việc. Cần làm điều này, Công an TP Đà Nẵng cần có những biện pháp tổng kiểm tra rà soát nhân, hộ khẩu trên địa bàn toàn TP Đà Nẵng, tham mưu cách quản lý hợp lý và có hiệu quả.

Cần phải làm cho người dân hiểu rằng khai báo tạm trú là nghĩa vụ của mỗi công dân, còn đối với công tác quản lý cư trú luôn duy trì và cần tăng cường hơn, coi đây là vấn đề quan trọng và cần thiết. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, quản lý chặt đối với các khu vực nhà nghỉ, nhà trọ, nhà cho thuê...yêu cầu họ có trách nhiệm khai báo thật, đúng tên tuổi, địa chỉ người tạm trú. Đặc biệt lực lượng chuyên trách phối hợp với chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành, tổ chức xã hội trong công tác nắm người, nắm hộ, nắm tình hình khu vực, địa bàn, quản lý sâu về ngành nghề kinh doanh, các dịch vụ cần đồ, Internet...đồng thời xem đây là công tác thường xuyên hằng ngày phải làm, phải cập nhập thông tin với nhau cùng quản lý. Khi phát hiện đối tượng gây án, hay đối tượng nghi vấn có hành vi CGTS thì phối hợp lực lượng Công an có kế hoạch vây bắt, phòng ngừa hiệu quả nhất, ngăn chặn hành vi phạm tội CGTS xảy ra là vấn đề cần thiết nhất.

Tăng cường công tác đăng ký, quản lý các loại phương tiện xe máy: Để hạn chế các thiếu sót trong công tác quản lý đăng ký xe máy, các cơ quan chức năng của TP Đà Nẵng đặc biệt lực lượng Công an cần phải tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc sử dụng xe máy, giấy tờ đăng ký xe máy, chủ động phát hiện và ngăn chặn tình trạng sử dụng biển kiểm soát giả. Công an các quận huyện, Công an TP Đà Nẵng, các khu dân cư, tổ dân phố... đều lắp đặt hệ thống camera giám sát 24/24, đồng thời sử dụng công nghệ cao trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm từ đó phát hiện đối tượng, tài sản có biện pháp truy xét.

3.2.2.4. Nhóm các giải pháp pháp luật và thực thi pháp luật

(1) Các giải pháp đã khắc phục trong các quy định của pháp luật về tội CGTS

Tội CGTS đã được quy định cụ thể tại Điều 136 BLHS năm 1999 và Điều 171 BLHS năm 2015, thì BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã khắc phục cơ bản những hạn chế trong quy định tại BLHS năm 1999:

Bỏ tình tiết định khung hình phạt “Gây hậu quả nghiêm trọng” và bổ sung các tình tiết sau đây làm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2: phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bỏ tình tiết định khung hình phạt “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” và bổ sung tình tiết “Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh” làm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 3. Bỏ tình tiết định khung hình phạt “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” và bổ sung tình tiết “Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% trở lên; Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh” làm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 4.

Tuy nhiên, qua thực tiễn phòng ngừa tội phạm CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và qua phỏng vấn, trao đổi với một số cán bộ làm công tác điều tra, xét xử, phòng ngừa tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng thì để đấu tranh, phòng ngừa tội CGTS có hiệu quả trong thời gian tới, một số quy định tại Điều 171 BLHS năm 2015 cần phải có những hướng dẫn cụ thể gắn với những trường hợp và tình huống cụ thể, cũng như gắn với những đối tượng cụ thể.

(2) Các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Thực hiện chuyên sâu trong công tác nghiệp vụ cơ bản như Điều tra cơ bản, công tác sưu tra, quản lý đối tượng, thường xuyên gọi hỏi răn đe giáo dục cảm hóa. Nghiên cứu tình hình từng địa bàn từ đó có nhưng con số thống kê, đánh giá phân tích tìm ra các nguyên nhân và điều kiện để làm cơ sở dự báo, đưa ra các giải pháp để tham mưu cho các cấp, ban, ngành tham gia tích cực

trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về hành vi CGTS.

Áp dụng các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa chung một cách đồng bộ, toàn diện trên địa bàn, đồng thời bám và theo dõi sát địa bàn, khu dân cư quản lý sau đối với các đối tượng tiền án, tiền sự, đối tượng là người chưa thành niên có tiền án, tiền sự, đối tượng có nguy cơ phạm tội, đồng thời phối hợp với gia đình, nhà trường, ban ngành, tổ chức xã hội để quản lý, giáo dục.

Chú ý đặc điểm tình hình có liên quan đến tình trạng người chưa thành niên trên địa bàn mình phụ trách; tình hình phạm pháp hình sự trên địa bàn, nhất là số vụ phạm tội do người chưa thành niên gây ra; tình hình người chưa thành niên làm trái pháp luật nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng trên địa bàn...

Bên cạnh việc quản lý, theo dõi cần phải thường xuyên rà soát liên tục, theo dõi các đối tượng có nguy cơ phạm tội, bắt minh về kinh tế, ăn chơi thể hiện bản thân, đặc biệt hơn là các em ở vị thành niên, tiến hành xác minh điều tra nghiệp vụ, điều tra công khai đối với các đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật trên. Song song với đó cần chủ động có giải pháp phòng ngừa hiệu quả theo từng địa bàn, khu dân cư, tổ dân phố, các tuyến đường, điểm trọng điểm phù hợp, ngăn chặn mọi hành vi phạm tội CGTS xảy ra.

Tập trung thực hiện việc điều tra nắm chắc loại đối tượng, khu vực, địa bàn, những nghề nghiệp mà kẻ phạm tội thường nhắm vào để cướp, cướp giật tài sản. Đồng thời làm cơ sở cho việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa. Hiệu quả, chất lượng công tác điều tra cơ bản càng cao, công tác phòng ngừa sẽ càng chủ động.

Tập trung làm tốt công tác cảnh báo cho người dân nói chung và những người làm các nghề mà bọn cướp giật tài sản thường lợi dụng để gây án nói riêng, đồng thời hướng dẫn các biện pháp đề phòng khi phát hiện tội phạm,

cách thức báo tin cho cơ quan Công an, những biện pháp tự vệ tích cực khi bị kẻ phạm tội tấn công cướp tài sản.

Xây dựng tốt các cơ chế để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, áp dụng tốt thành quả khoa học kỹ thuật trong công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với tội phạm cướp giết tài sản. Có kế hoạch vận động quần chúng nhân dân chủ động trong công tác phòng ngừa tội phạm, địa bàn thường bị bọn tội phạm cướp giết tài sản tấn công. Cần nâng cao chất lượng tiếp nhận thông tin và có nhiều hình thức thu nhận thông tin của nhân dân, tiếp nhận xử lý tin nhanh khi có tội phạm xảy ra.

- Đối với lực lượng Công an nhân dân

Tăng cường lực lượng, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát cơ động, CSHS, lực lượng chống cướp giết, tiếp tục duy trì hoạt động của các “tổ tuần tra đặc biệt”, các “tổ tuần tra vũ trang”, “tổ tuần tra 8394” để tuần tra, kiểm soát, truy bắt tội phạm, đặc biệt là tội CGTS, chuẩn bị các cơ sở pháp lý, xây dựng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, các công cụ, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để lực lượng “săn bắt cướp” đủ mạnh trong thời gian tới với quyết tâm cao độ trong truy xét, truy bắt nhanh và ngăn chặn kịp thời đối với loại tội phạm CGTS.

- Đối với VKSND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có vị trí vai trò trực tiếp áp dụng các biện pháp phát hiện tội phạm, chống bỏ lọt tội phạm CGTS, là những nội dung rất quan trọng của công tác phòng ngừa tình hình tội CGTS. Tương tự như vậy, khi thực hiện công tác kiểm sát thi hành án hình sự và công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát nhân dân phải có nhiệm vụ và quyền hạn trực tiếp áp dụng hoặc kiến nghị áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Nhà nước cũng đã trao cho Viện kiểm sát một số quyền hạn rất căn bản như: Tự mình khởi tố vụ án, khởi tố bị can và chuyển đến cơ quan điều tra để yêu cầu tiến hành điều tra; yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố; huỷ bỏ các quyết định trái pháp luật của cơ quan điều tra; kiến nghị các cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Những quyền hạn này nếu được thực thi đầy đủ và chính xác sẽ có tác dụng phòng ngừa rất lớn, trước hết là bảo đảm để mọi tội phạm đều phải được điều tra phát hiện và xử lý kịp thời, không bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên trên thực tế bấy lâu nay khâu này làm chưa mạnh, nhất là việc kiến nghị phòng ngừa thường qua loa, chiếu lệ, không cụ thể, do đó vai trò của Viện kiểm sát ở đây bị mờ nhạt. Nói chung ở các cấp Kiểm sát đều ít thực hiện quyền khởi tố, ít đưa ra các kiến nghị và thậm chí vẫn còn có nơi để lọt tội phạm. Để khắc phục tình hình này, đề nghị đưa vào chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác của Viện kiểm sát các cấp cả về số lượng và chất lượng thực hiện các quyền khởi tố, kiến nghị, yêu cầu... Đồng thời xác định rõ trách nhiệm phải tiếp tục theo dõi kết quả thực hiện kiến nghị của các cơ quan, tổ chức hữu quan. Trong các biểu thống kê công tác Kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân cần có các tiêu chí về số lượng thực hiện các quyền này và trong các báo cáo kết quả công tác bắt buộc phải phân tích, đánh giá về hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong từng thời gian, ở từng địa bàn nhất định.

Trong những năm qua VKSND thành phố Đà Nẵng cũng đã triển khai nghiên cứu một số chuyên đề nhằm gắn việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp phục vụ cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm với công tác phòng ngừa. Nhưng quả thật vẫn chưa có một đề tài chuyên sâu nào về tội phạm học để nghiên cứu khảo sát thực tiễn và đề xuất những biện pháp phòng ngừa được đưa vào ứng dụng có hiệu quả cụ thể. Chúng tôi cho rằng đã đến lúc những người làm công tác nghiên cứu phải vào

cuộc cùng tham gia tích cực Chương trình phòng chống tội phạm, phải làm cho tội phạm học trở thành khoa học ứng dụng để trực tiếp giải quyết những nhu cầu do thực tiễn đặt ra. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần có cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện và tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn nhằm thúc đẩy công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm của ngành Kiểm sát có kết quả.

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, Viện Kiểm sát nhân dân Đà Nẵng nhận thấy tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội về cơ bản được ổn định. Tuy nhiên, một số loại tội phạm hình sự nhất là nhóm tội xâm phạm sở hữu như: Trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cướp giật tài sản... vẫn tiếp diễn và có chiều hướng gia tăng. Trong đó đáng chú ý là các vụ cướp tài sản và cướp giật tài sản với tính chất, thủ đoạn ngày càng nguy hiểm, táo bạo, các đối tượng thường nhằm vào trẻ em, không có khả năng bảo vệ tài sản. Trước tình hình trên, để tăng cường ý thức cảnh giác tự bảo vệ tài sản và sức khỏe của bản thân, đặc biệt là giáo dục ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản cho các em nhỏ, Viện KSND Đà Nẵng đã ban hành Kiến nghị phòng ngừa số 08 ngày 4/01/2017 về kiến nghị phòng ngừa tội cướp giật tài sản và Kiến nghị số 87 ngày 9/03/2017 về kiến nghị phòng ngừa trẻ vị thành niên phạm tội đối với Chủ tịch UBND thành phố để chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể có liên quan và chính quyền địa phương tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân nhất là trong lứa tuổi thanh thiếu niên.

- Đối với TAND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng

Thực tế tình hình các địa phương cho thấy, đôi lúc các thẩm phán học ngành ngoài, sau đó bồi dưỡng được bổ nhiệm thẩm phán nên công tác chuyên môn chưa sâu, còn hạn chế số mặt, trong đó có địa bàn TP Đà Nẵng.

Vì thế, trong thời gian tới chính quyền thành phố Đà Nẵng cần có chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, năng lực công tác của Thẩm phán, phải thường xuyên rà soát, cử cán bộ đi đào tạo để nâng cao trình độ; mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ xét xử cho đội ngũ Thẩm phán; bố trí một số Thẩm phán chuyên làm công tác xét xử các vụ án CGTS, đồng thời quan tâm bồi dưỡng cho họ về chuyên môn, những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong xét xử tội này.

Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết kinh nghiệm xét xử, tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị giữa TAND các cấp TP Đà Nẵng để chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn xét xử về các vụ án liên quan đến tội CGTS, đề xuất những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xét xử, trong những vụ án điển hình về tội CGTS để cùng nhau tranh luận, tìm hướng giải quyết một cách thống nhất, hiệu quả và chính xác nhất; nghiên cứu đề xuất để sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến BLHS, Bộ luật tố tụng hình sự, các quy định liên quan đến tổ chức tòa án để hoạt động xét xử về tội CGTS được khách quan, thống nhất giữa các cấp, các TAND trong địa bàn thành phố Đà Nẵng; làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới đối với các vụ án về CGTS để chỉ đạo kịp thời, hạn chế, khắc phục những sai sót không để xảy ra tình trạng xét xử oan sai, sót lọt tội phạm, hạn chế phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, điều tra lại nhiều lần, dẫn đến thời gian giải quyết vụ án kéo dài, tốn kém tiền bạc, công sức của Nhà nước, mục đích giáo dục không đạt được.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở lý luận về phòng ngừa tình hình tội CGTS, thực tiễn phòng ngừa tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nhìn chung công tác phòng ngừa và đấu tranh tội phạm CGTS của Đà Nẵng đã được quan tâm

thực hiện và đã đạt được một số kết quả nhất định trên mọi phương diện. Việc nghiên cứu lý luận và thực trạng tình hình tội CGTS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, lý luận và nguyên nhân của tình hình tội CGTS, thực tiễn thực hiện công tác phòng ngừa tình hình tội CGTS trên địa bàn TP Đà Nẵng trong những năm qua, đề tài luận văn đã đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần hạn chế, triệt tiêu những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm CGTS và các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội CGTS trong thời gian tới của thành phố Đà Nẵng.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu về Tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa cho thấy: Cướp giật tài sản là một trong những tội thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Bộ luật Hình sự Việt Nam. Hành vi này không chỉ gây nguy hiểm cho tính mạng, tài sản của người bị hại mà còn tạo ấn tượng không tốt về nếp sống, nếp sinh hoạt của đời sống xã hội Việt Nam trong mắt bạn bè, du khách quốc tế. Tội phạm cướp giật tài sản thường diễn ra nhanh, bất ngờ và rất khó ngăn chặn. Tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này thể hiện ở chỗ các đối tượng có thể gây án liên tục, thậm chí trong một ngày gây nhiều án, đặc biệt là trên các tuyến giao thông, tại các khu vui chơi, giải trí, nơi công cộng... Đối tượng phạm tội đa số là những đối tượng lưu manh chuyên nghiệp, có tiền án, tiền sự, đối tượng đang bị truy nã, nghiện ma túy; phần tử có nhân thân xấu, lối sống không lành mạnh, côn đồ, hung hãn, lười lao động. Đáng chú ý hiện nay, số đối tượng phạm tội cướp giật tài sản là học sinh, sinh viên có xu hướng tăng, thường tập trung vào những trường hợp lười học, bỏ học, nghiện game online, nghiện ma túy, thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình và Nhà trường. Thực tế cho thấy, người bị hại phần lớn là phụ nữ bởi phụ nữ thường mang theo những loại tài sản có giá trị, khả năng phản kháng, chống cự yếu và ít nhớ đặc điểm nhân dạng của đối tượng thực hiện hành vi khi bị tấn công bất ngờ.

Đa số các vụ cướp giật tài sản do 2 đối tượng là nam giới gây ra, chúng sử dụng xe mô tô di chuyển trên các tuyến giao thông để theo dõi, quan sát, lựa chọn “mục tiêu” (những người có tài sản và lơ là trong việc quản lý tài sản) để cướp giật tài sản. Khi đã xác định được “mục tiêu”, đối tượng cầm lái điều khiển xe máy cùng chiều, đi gần tới bị hại (đang đi xe máy hoặc đi bộ).

Khi đi đến đoạn đường vắng người qua lại, đối tượng cầm lái điều khiển xe sát với xe máy của bị hại để đối tượng ngồi sau giật tài sản rồi nhanh chóng tăng ga xe máy tẩu thoát.

Đối với trường hợp người bị hại đi bộ hoặc đã dừng xe để nghe điện thoại, tìm đồ dùng trong túi xách, bóp, ví... thì 2 đối tượng dừng xe gần bị hại. Một đối tượng xuống xe đi bộ tiến đến từ phía sau, sát bị hại, bất ngờ giật tài sản rồi bỏ chạy lên xe máy với đối tượng thứ nhất cùng tẩu thoát. Trường hợp đối tượng cướp giật tài sản nhằm vào trẻ em, khi phát hiện trẻ đang cầm điện thoại di động hoặc tài sản khác mà không có người lớn ở gần, đối tượng vào nhà người bị hại, giả vờ mua hàng (đối với nhà có bán hàng) hoặc hỏi chuyện, bất ngờ giật tài sản rồi bỏ chạy.

Nguyên nhân nảy sinh tội phạm cướp giật tài sản xuất phát từ nhiều vấn đề khác nhau, song ý thức bảo vệ tài sản của người dân là một trong những yếu tố quan trọng, đặc biệt là phụ nữ. Các loại tài sản như dây chuyền, túi xách, ví bóp cầm tay... được xem là những công cụ làm đẹp thường được phụ nữ ưa chuộng và đem theo khi đi đường hoặc đến những nơi đông người. Tuy nhiên, việc vừa đeo túi xách một bên vai vừa lái xe, hay đeo dây chuyền trang sức nhưng không che chắn lại là điều kiện thuận lợi cho đối tượng xấu thực hiện hành vi cướp giật. Một số người thường có thói quen vừa đi đường vừa nghe điện thoại, hoặc dừng ở ven đường nghe điện thoại cũng trở thành mục tiêu nhắm tới của bọn tội phạm cướp giật. Chính những hành động hờ hênh, ý thức mất cảnh giác của người dân đã tạo điều kiện cho tội phạm cướp giật có cơ hội hoạt động.

Có thể thấy, hành vi cướp giật tài sản không chỉ gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của các nạn nhân mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự an toàn xã hội và không ít những hệ lụy khác. Không những vậy, ở các thành phố lớn còn xảy ra tình trạng cướp giật

tài sản của khách du lịch, của người nước ngoài gây ảnh hưởng xấu về hình ảnh con người, đất nước Việt Nam, nhiều vụ gây dư luận xấu, tâm lý bất bình, bất an đối người dân và người nước ngoài đến Việt Nam.

Mặc dù pháp luật đã có quy định điều chỉnh đối với tội phạm cướp giật tài sản, lực lượng chức năng đã tăng cường các giải pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, song để giảm thiểu loại tội phạm này vẫn đề nhận thức và hành động của người dân trong bảo vệ tài sản của chính mình vẫn luôn là vấn đề cốt lõi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2005), Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, *Tạp chí Công an nhân dân* (số 9), Hà Nội.
2. Phạm Tuấn Bình (2002), *Giáo trình tội phạm học*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
3. Mai Bộ (2007), Tội CGTS, *Tạp chí TAND*, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*.
5. Bộ Công an (2009), *Thông tư liên tịch số 34/2009/TTLT-BGDĐT-BCA về hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới của Ban chấp hành trung ương Đảng*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2011), *Chỉ thị 09-CT/TW năm 2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới do Ban Bí thư ban hành*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2015), *Nghị quyết số 49/NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 2/6/2015 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Lê Cẩm (2001), Nhân thân người phạm tội, một số vấn đề lý luận cơ bản, *Tạp chí TAND* (số 10), Hà Nội.
10. Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (C45), *Báo cáo tổng kết và Kế hoạch công tác năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.

11. Chính phủ (2004), *Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg ngày 8/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 09 và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đến năm 2020*, Hà Nội.
12. Nguyễn Chí Dũng (2004), *Một số vấn đề về tội phạm và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
13. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Lê Thị Thu Hà (2004), *Tội CGTS theo luật hình sự Việt Nam – Một số khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Phạm Hồng Hải và cộng sự (2000), *“Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Học viện Cảnh sát nhân dân (2002), *Giáo trình Tội phạm học*, Hà Nội.
18. Học viện CSND (2001), *Giáo trình Tổ chức hoạt động phòng ngừa, phát hiện, điều tra tội phạm cụ thể thuộc chức năng của lực lượng Cảnh sát hình sự*, Hà Nội.
19. Trần Văn Hiệp (2014), *Tội CGTS trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. HCM, TP. HCM.
20. Trần Văn Hiệp (2014), *Các trường hợp chuyên hóa tội danh CGTS*, *Tạp chí khoa học giáo dục Cảnh sát nhân dân*. Tr. 80-84

21. Lê Ngọc Hón (2012), “*Tội CGTS trên địa bàn tỉnh An Giang: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, TP Hồ Chí Minh.
22. TS. Dương Tuyết Miên (2005), Nạn nhân của tội phạm dưới góc độ tội phạm học, *Tạp chí TAND (số 20)*, Hà Nội.
23. Bùi Xuân Nam (2013), *Phòng Ngừa tội CGTS do người chưa thành niên thực hiện tại TP Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện KHXH, Hà Nội.
24. Lê Thuần Phong (2013), “*Tội CGTS trên địa bàn quận 7, TP Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn thạc sĩ luật học: Học viện Khoa học xã hội, TP Hồ Chí Minh.
25. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội TP Đà Nẵng, *Báo cáo chuyên đề thực hiện Đề án IV, Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.
26. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2012), *BLHS năm 2015*, Hà Nội.
28. Đặng Thúy Quỳnh (2013), *Đấu tranh phòng chống tội CGTS ở nước ta hiện nay*, Tiến sĩ Luật học, Học viện KHXH, Hà Nội.
29. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
30. TAND TP Đà Nẵng (2013 - 6/2018), *Các báo cáo về các vụ án được xét xử giai đoạn 2013 - 6/2018*, Đà Nẵng.

31. Đào Quốc Thịnh (2012), *“Tội CGTS trên địa bàn quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn thạc sĩ luật học: Học viện Khoa học xã hội, TP Hồ Chí Minh.
32. Thủ tướng chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Đào Trí Úc và cộng sự (1994), *“Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đào Trí Úc (2000), *Cơ sở khoa học của việc tổ chức phòng ngừa tội phạm. Tội phạm học Việt Nam*, NXB CAND, Hà Nội.
36. Viện Ngôn ngữ học (2007), *Từ điển tiếng việt*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
37. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP ngày 01/7/2005 của CGTStối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về “Hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm”*, Hà Nội.
38. Phòng hình sự - CATP Đà Nẵng (2013 - 6/2018) *Báo cáo tình hình các vụ án hình sự đã khởi tố về tội cướp giật tài sản*.
39. Võ Khánh Vinh (2000), *Dự báo tình hình tội phạm, Tội phạm học Việt Nam*, NXB CAND, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2004), *“Những vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay”*, NXB CAND, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình tội phạm học*, NXB CAND, Hà Nội.

42. Trần Vĩnh (2004), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ở nước ta hiện nay*, Tiến sĩ Luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
43. Nguyễn Xuân Yên (2013), *Tội phạm học Việt Nam, tập 1*, NXB CAND, Hà Nội.
44. Nguyễn Hải Yến (2013), *Phòng ngừa tội CGTS trên địa bàn TP Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.